BÁO CÁO TIẾN ĐỘ QUÝ II NĂM 2020
CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Hà Nội, tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

I. TIẾN ĐỘ TỔNG THỂ VÀ KHUNG KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH 3

1.1 Tiến độ thực hiện tổng thể toàn Chương trình 3

1.2 Kết quả các chỉ số trong Khung kết quả Chương trình 5

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ LIÊN KẾT GIẢI NGÂN (DLIs) CỦA CHƯƠNG TRÌNH 5

2.1 Tình hình thực hiện các chỉ số liên kết giải ngân của 7 Thành phố ... 5

2.2 Tình hình thực hiện các chỉ số DLI của Bộ Xây dựng 6

2.2.1 Công tác điều phối của Bộ Xây dựng 6

2.2.2 Tình hình thực hiện các chỉ số DLI của Bộ Xây dựng 7

2.2.3 Tình hình thực hiện chỉ số DLI 4.3 - Báo cáo Chương trình hoàn thành . 7

III. VIỆC TUÂN THỦ CÁC HÀNH ĐỘNG PAP CHƯƠNG TRÌNH 7

3.1. Hành động PAP 1 – Ý kiến phản hồi và cơ sở dữ liệu khiếu nại 7

3.2. Hành động PAP 2 –Đấu thầu cạnh tranh 8

3.3. Hành động PAP 3 – Kiểm toán nội bộ 8

3.4. Hành động PAP 4 – Định giá đất và tài sản 9

3.1. Hành động PAP 5 – Tham vấn cộng đồng 10

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH 11

4.1. Thực tế tiếp nhận và giải ngân 11

4.2. Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (bổ sung tháng 11/2019) và kế hoạch giao vốn năm 2020 12

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUÝ III/2020 13

VI. CÁC PHỤ LỤC 14

PHỤ LỤC 1. KHUNG KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH 14

PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CỦA CÁC THÀNH PHỐ NĂM 2020 17

PHỤ LỤC 3. TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PAP 2 18

PHỤ LỤC 4. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PAP 4 23

PHỤ LỤC 5. CHI TIẾT THEO TỪNG THÀNH PHỐ 26

I. TIẾN ĐỘ TỔNG THỂ VÀ KHUNG KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1 Tiến độ thực hiện tổng thể toàn Chương trình

a) Về công tác đầu tư xây dựng

Tính đến hết tháng 6/2020, Chương trình đô thị miền núi phía Bắc đã triển khai được hơn 66 tháng (chiếm 91% quỹ thời gian thực hiện của Chương trình), Chương trình đã đạt được các kết quả: (i) số hạng mục đã hoàn thành là 83 hạng mục trên tổng số 122[1] hạng mục của toàn Chương trình (68%), trong đó: 6 hạng mục đã hoàn thành đến 6/2020, gồm: 3 hạng mục hoàn thành trong Quý I/2020 (Thái Nguyên 1 và Yên Bái 2) và 3 hạng mục hoàn thành trong Quý II/2020 (Yên Bái 3). Tổng số hạng mục còn lại của Chương trình là 39 HM, trong đó: đang thực hiện 29 HM (24%) và chưa thực hiện (chưa có kế hoạch đấu thầu) là 10 HM (8%).

b) Về xác minh kết quả Chương trình

Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xác minh kết quả cho 78 hạng mục hoàn thành của các năm 2015 - 2018[2]. Ngân hàng Thế giới (NHTG) đã giải ngân cho chỉ số DLI 2 giá trị là 45.93 triệu SDR (tương đương 70.98 triệu USD) cho 63 hạng mục đạt kết quả xác minh của năm 2015, 2016, 2017 và 2018 (bao gồm cả HM tái xác minh).

Toàn Chương trình đã nhận được khoản giải ngân PBT cho năm 2015, 2016, 2017 và 2018 là 92.95 triệu SDR, đạt khoảng 57.45% giá trị khoản vay.

Kiểm toán Nhà nước đã hoàn thành kiểm toán tài chính năm 2019 và đang thực hiện công tác kiểm toán xác minh kết quả năm 2019.

c) c) Về tình hình tài chính Chương trình

- Về giao vốn:

Lũy kế giao vốn nước ngoài trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (KHĐTCTH) 2016 - 2020 cho Chương trình (không bao gồm phần vốn nước ngoài giao cho Bộ Xây dựng và Kiểm toán nhà nước) từ năm 2015 đến tháng 10/2019 (bao gồm cả phần cho vay lại) so với tổng vốn được phân bổ theo Văn kiện dự án là 2.786/4.847 tỷ đồng (tương đương 57%, trung bình 11,4%/năm).

Sau gần 5 năm triển khai thực hiện, Chương trình gặp nhiều khó khăn trong việc kế hoạch vốn được giao không đáp ứng nhu cầu triển khai thực hiện dự án thực tế, tháng 11/2019, Bộ Kế hoạch và đầu tư đã có quyết định số 1746/QĐ-BKHĐT giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và năm 2019, theo đó, 7 thành phố được bổ sung 1.607.735 triệu đồng vốn IDA (tương đương 70.05 triệu USD). Giá trị bổ sung này cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn IDA của các Thành phố để thực hiện Chương trình theo kế hoạch dự kiến. Tuy nhiên, với thời gian hạn hẹp còn lại, một số thành phố khó có thể hoàn thành công tác đầu tư xây dựng theo danh mục đầu tư ban đầu.

- Về rút vốn và giải ngân: đến nay, Bộ Xây dựng đã rút vốn cho các thành phố tham gia Chương trình là 3.021 tỷ đồng (tương đương 95 triệu SDR), đạt 91% tổng giá trị các hợp đồng sử dụng vốn ODA của các thành phố đã được ký (3.326 tỷ đồng), trong đó:

---

[1] Tổng số HM toàn Chương trình tăng từ 121 lên 122 HM do Bắc Kạn đã điều chỉnh thay đổi 2 HM Đường Nà Cườm – Nà Mày và Đường Nà Mày – Nà Nàng thành 3 hạng mục tại QĐ số 2030/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND Tỉnh Bắc Kạn

[2] 2015 (11 HM), 2016 (16 HM), 2017 (16 HM), 2018 (20 HM), 2019 (14 HM) và 01 HM hoàn thành sớm so với kế hoạch của năm 2020 (Thái Nguyên)

i) Tổng giá trị vốn ODA đã được Chương trình giải ngân cho các thành phố theo kết quả đã được Kiểm toán nhà nước xác minh hoàn thành là 2.669 tỷ đồng (đạt 80% tổng giá trị các hợp đồng đã ký); và ii) Tổng giá trị được rút tạm ứng theo quy định của Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình (POM) cho các thành phố là 352 tỷ đồng (tương đương 11% tổng giá trị các hợp đồng đã ký).

d) Những vấn đề chính trong việc thực hiện dự án hiện nay gồm:

- Về thời gian thực hiện dự án: Theo Hiệp định, các hoạt động của Chương trình kết thúc vào tháng 12/2020. Tháng 11/2019, các Thành phố được giao bổ sung khoảng 40% vốn KHĐTCTH còn lại. Giá trị bổ sung này cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn ODA của các Thành phố để thực hiện dự án theo kế hoạch. Tuy nhiên, với thời gian hạn hẹp còn lại cùng với việc bùng phát dịch COVID-2019 và diễn biến thời tiết bất thường tại khu vực miền núi phía Bắc các tháng đầu năm 2020, các thành phố khó có thể hoàn thành công tác đầu tư xây dựng theo kế hoạch ban đầu. Bên cạnh đó, các khó khăn gặp phải trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình (công tác giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư) nên việc gia hạn thời gian thực hiện dự án là cần thiết để đảm bảo các mục tiêu và kết quả đầu ra của Chương trình. Hiện nay, các đơn vị tham gia Chương trình đang thực hiện các thủ tục để đề xuất gia hạn thời gian thực hiện và sử dụng vốn dư của Chương trình đến 12/2022.

- Về mức tạm ứng Chương trình: Tháng 11/2019, các Thành phố đã được bổ sung vốn KHĐTCTH 2016-2020 cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho toàn dự án. Trong năm 2020, sau khi Kiểm toán nhà nước hoàn thành công tác xác minh kết quả năm 2019 vào tháng 7/2020, các thành phố tham gia Chương trình sẽ tiếp tục được giải ngân và tạm ứng. Tuy nhiên, với tiến độ thực tế này và quy định về mức tạm ứng hiện tại của Sổ tay POM, các Thành phố sẽ khó rút và sử dụng hết nguồn vốn đã được bổ sung theo kế hoạch trong năm 2020. Do đó, Bộ Xây dựng đã có văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành và địa phương để nâng mức tạm ứng vốn lên gấp đôi so với quy định của POM hiện hành, nhằm tạo điều kiện thuận lợi về vốn cho các thành phố trong giai đoạn cuối thực hiện Chương trình, đảm bảo tuân thủ về việc tạm ứng của Hiệp định. Bộ Xây dựng đang tổng hợp ý kiến của các đơn vị tham gia để thực hiện điều chỉnh Sổ tay POM.

- Rủi ro về tỷ giá: Trong quá trình thực hiện Chương trình, do SDR mất giá so với USD, vì vậy theo tính toán tổng vốn vay của Chương trình (161,8 triệu SDR) đến thời điểm hiện nay (tháng 7/2020) còn tương đương 224,1 triệu USD (tỷ lệ mất giá của SDR so với USD từ đầu Chương trình đến nay là 25,9 triệu USD, tương đương 10,4%).

- Vốn dư của Chương trình: Tổng số vốn dư trong Hợp phần 1 của Chương trình là 576,97 tỷ đồng (bao gồm: Cao Bằng dư 104,95 tỷ đồng, Điện Biên dư 95,78 tỷ đồng, Thái Nguyên dư 239,98 tỷ đồng, Tuyên Quang dư 44,74 tỷ đồng, Yên Bái dư 91,52 tỷ đồng). Ngoài ra, Hợp phần 2 của Chương trình dự kiến không sử dụng là 12,4 triệu USD và dự phòng của Chương trình là 2 triệu USD. Phần vốn không sử dụng hết của Hợp phần 2 và dự phòng (tổng cộng là 14,4 triệu USD) sẽ được dùng để: i) bổ sung vốn cho hoạt động kiểm toán của Chương trình là 0,5 triệu USD (trường hợp được gia hạn); và ii) bù đắp rủi ro tỷ giá là 13,9 triệu USD cho vốn của Hợp phần 1 đã phân bổ cho các thành phố (tỷ lệ thiệt hại do rủi ro tỷ giá giữa SDR và USD đến nay là 10,7%, tỷ lệ bù đắp từ Hợp phần 2 là 6%). Để tận dụng nguồn vốn IDA ưu đãi, nâng cao hiệu quả đầu tư cho Chương trình, các đơn vị tham gia đã gửi đề xuất sử dụng vốn dư đồng thời với việc xin gia hạn thời gian thực hiện dự án.

1.2 Kết quả các chỉ số trong Khung kết quả Chương trình

Khung kết quả có 14 chỉ số, trong khi hầu hết các chỉ số cơ bản đáp ứng kế hoạch, hiện có một số chỉ số gặp khó khăn trong việc hoàn thành theo kế hoạch, bao gồm: i) chỉ số hoàn thành xây dựng mới và nâng cấp đường xá; ii) chỉ số các khu tái định cư hoàn thành; iii) chỉ số tăng nguồn tự thu hàng năm tại các thành phố tham gia (DLI 3.2). Nguyên nhân chính là do: i) một số thay đổi khách quan (kinh tế tăng trưởng chậm, thay đổi chính sách thuế tại địa phương làm ảnh hưởng đến kết quả DLI 3.2); ii) vướng mắc trong việc tính toán các chỉ số do chưa rõ cách thức hình thành số kế hoạch (target) tại khung kết quả, dẫn đến khó khăn trong việc tính toán kết quả thực hiện để đáp ứng kế hoạch đã đề ra.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ LIÊN KẾT GIẢI NGÂN (DLIs) CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1 Tình hình thực hiện các chỉ số liên kết giải ngân của 7 Thành phố

2.1.1. Tình hình thực hiện các chỉ số liên kết giải ngân DLI 1.1

Kế hoạch nâng cao năm 2020 đã được phê duyệt và công bố trên Website của từng Thành phố và Website của Cục Phát triển đô thị trước ngày 31/12/2019 theo quy định của Chương trình. Thông tin chi tiết và đường link truy cập kế hoạch nâng cao của các Thành phố chi tiết tại Phụ lục 2.

2.1.2. Tình hình thực hiện chỉ số giải ngân DLI 1.2

Theo báo cáo của các Ban Quản lý dự, không có sự thay đổi/ điều chỉnh nhân sự trong Quý II năm 2020.

2.1.3. Tình hình thực hiện DLI 2 quý II năm 2020

Tính đến hết Quý II năm 2020, Chương trình đã khởi công 112 hạng mục trên tổng số 122 hạng mục toàn Chương trình và hoàn thành 83 hạng mục công trình, trong đó: 03 HM hoàn thành Quý I/2020 là: HM Lắp đặt cáp ngầm tại một số tuyến phố chính (Thái Nguyên), Đường Lương Yên và Đường Lê Chân (Yên Bái); 03 HM hoàn thành Quý II/2020 là: Đường Trần Bình Trọng, Đường Nguyễn Khắc Nhu, Đường Trục B (Yên Bái).

Số hạng mục công trình còn lại của toàn Chương trình là 39 HM, trong đó:

+ Đang thực hiện: 29 hạng mục công trình (Bắc Kạn 4, Cao Bằng 1, Điện Biên Phủ 6, Hòa Bình 2, Thái Nguyên 1, Tuyên Quang 1, và Yên Bái 14); *Tiến độ chi tiết tại Phụ lục 5.*

+ Chưa thực hiện: 10 HM chưa có kế hoạch đấu thầu, gồm: Bắc Kạn 3, Cao Bằng 1, Tuyên Quang 6.

2.1.4. Tình hình thực hiện chỉ số giải ngân DLI 3.1 – Kế hoạch quản lý tài sản được phê duyệt và các HMĐT hạ tầng đô thị của địa phương vận hành đầy đủ sau khi hoàn thành.

Các HMĐT hoàn thành của Chương trình được các thành phố thực hiện công tác vận hành, bảo dưỡng đầy đủ đảm bảo yêu cầu của Chương trình.

2.1.5. Tình hình thực hiện chỉ số giải ngân DLI 3.2 – Tăng thu tại chỗ hàng năm tại các Thành phố tham gia

Chỉ số này sẽ báo cáo theo số liệu cuối năm 2020.

2.2 Tình hình thực hiện các chỉ số DLI của Bộ Xây dựng

2.2.1 Công tác điều phối của Bộ Xây dựng

- Đôn đốc các thành phố báo cáo tình hình thực hiện dự án và gửi văn bản về việc gia hạn dự án và sử dụng vốn dư để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ Xây dựng;

- Góp ý đề xuất gia hạn thời gian thực hiện Chương trình của thành phố Cao Bằng, Thái Nguyên và Yên Bái gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo yêu cầu;

- Rà soát Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình và đề xuất điều chỉnh về nội dung tạm ứng của Chương trình;

- Thực hiện thủ tục rút vốn tạm ứng cho Thành phố Bắc Kạn, Cao Bằng, Yên Bái và Kiểm toán Nhà nước;

- Phối hợp đơn vị Tư vấn Kiểm toán nội bộ hoàn thành báo cáo kiểm toán nội bộ Chương trình 6 tháng cuối năm 2019 và năm 2019;

- Phát hành các văn bản điều phối: i) văn bản của BXD: số 1767/BXD-PTĐT ngày 15/4/2020 gửi Bộ ngành và UBND các tỉnh về điều chỉnh bổ sung POM; số 1918/BXD-PTĐT ngày 23/4/2020 gửi Bộ KHĐT về gia hạn NMUP; số 1920/BXD-PTĐT ngày 23/04/2020 gửi Bộ KHĐT về gia hạn thời gian thực hiện và sử dụng vốn dư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Thái Nguyên; số 2038/BXD-PTĐT ngày 28/4/2020 về gia hạn thời gian thực hiện và sử dụng vốn dư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Cao Bằng; số 2219/BXD-PTĐT ngày 11/05/2020 gửi Bộ Tài chính về việc chuyển vốn vay nước ngoài (IDA) năm 2020 cho Kiểm toán Nhà nước thực hiện Chương trình đô thị miền núi phía Bắc; và ii) các văn bản của BQLDA PTĐT gồm: số 31/BQL-NMUP ngày 14/4/2020 gửi WB về việc xem xét và cho ý kiến về các nội dung điều chỉnh Sổ tay POM; số 36/ BQL-NMUP ngày 27/4/2020 gửi các Ban Quản lý về việc cập nhật hệ thống thông tin quản lý Chương trình (MIS); số 40/BQL-NMUP về việc thay đổi nhân sự chủ chốt của BQLDA Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – TP Bắc Kạn; số 41/BQL-NMUP ngày 08/5/2020 về việc khảo sát các hạng mục được xác minh kết quả năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước; số 43/BQL-NMUP ngày 11/5/2020 về việc báo cáo công tác khắc phục hạng mục theo báo cáo xác minh kết quả năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước.

- Phối hợp NHTG thực hiện chuyến công tác hỗ trợ thực hiện Chương trình trực tuyến từ 26/5 đến 04/6/2020 và tổ chức cuộc họp tổng kết chuyến công tác tại BXD ngày 11/6/2020 với sự tham gia của đại diện lãnh đạo các thành phố, ban quản lý tham gia Chương trình và các bộ ngành trung ương.

- Tổng hợp đề xuất của các Tỉnh/thành phố và gửi NHTG văn bản về việc gia hạn thời gian thực hiện và sử dụng vốn dư Chương trình;

- Tổ chức cuộc họp với 7 thành phố tham gia về công tác gia hạn và sử dụng vốn dư Chương trình tại BXD (ngày 16/6/2020) và tham gia cuộc họp tại văn phòng WB (ngày 23/6/2020).

- Tiếp tục phối hợp Thanh tra BXD trong việc hướng dẫn thực hiện hành động PAP 1 về hệ thống cơ sở khiếu nại tố cáo của Chương trình.

- Phối hợp KTNN thực hiện công tác kiểm toán tài chính năm 2019.

- Phối hợp Kiểm toán Nhà nước thực hiện chuyến công tác khảo sát các hạng mục được xác minh kết quả năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước tới một số thành phố tham gia Chương trình từ 11-21/5/2020.

2.2.2 Tình hình thực hiện các chỉ số DLI của Bộ Xây dựng

a. Tình hình thực hiện chỉ số DLI 4.1 - Chiến lược triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị quốc gia được áp dụng với các mốc thực hiện quan trọng hàng năm

Bộ Xây dựng đã thông qua Báo cáo "Chiến lược triển khai toàn quốc Chương trình Phát triển đô thị quốc gia cùng với việc lựa chọn các thành phố cho giai đoạn 2" và gửi Ngân hàng Thế giới tại văn bản số 3025/BXD-PTĐT ngày 27/12/2019.

b. Tình hình thực hiện chỉ số DLI 4.2 - Ban Quản lý tại Bộ Xây dựng được bố trí cán bộ chuyên ngành chuẩn bị các Kế hoạch phát triển năng lực hàng năm và cung cấp hỗ trợ nâng cao năng lực cho các thành phố theo Kế hoạch đã chuẩn bị.

Ban Quản lý tại Bộ Xây dựng được bố trí cán bộ chuyên ngành

Ban Quản lý tại Bộ Xây dựng có sự điều chỉnh về nhân sự đảm nhiệm 2 vị trí: Đấu thầu và Kỹ sư kỹ thuật. Các nhân sự tham gia dự án đều được sắp xếp đáp ứng quy định tại Phụ lục của POM.

Công tác nâng cao năng lực của Chương trình do BXD triển khai

Phối hợp với AMC về đăng ký vốn các nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật phát triển năng lực của Chương trình.

2.2.3 Tình hình thực hiện chỉ số DLI 4.3 - Báo cáo Chương trình hoàn thành

Báo cáo Chương trình năm 2019 đã được hoàn thành và gửi tới Ngân hàng Thế giới và Kiểm toán nhà nước ngày 27/2/2020 theo quy định Chương trình.

III. VIỆC TUÂN THỦ CÁC HÀNH ĐỘNG PAP CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Hành động PAP 1 – Ý kiến phản hồi và cơ sở dữ liệu khiếu nại

Tất cả 7 TP đã được trang bị công cụ (máy tính, scan...) để thực hiện vận hành phần mềm lưu trữ (phềm mềm và Sổ theo dõi) về các vụ việc về dự án của người dân.

Các kiến nghị, khiếu nại tại 7 Thành phố đã được ghi nhận và xử lý theo đúng quy trình và được báo cáo cho các bên liên quan theo quy định của Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình (POM). *Chi tiết tình hình thực hiện PAP 1 tại bảng sau:*

Bảng 1 - Tình hình về khiếu nại và phản hồi

Thành phố	Lũy kế tổng số vụ việc		Phân loại vụ việc	Tình hình thực hiện	
	Tổng	Phát sinh 2020		Số vụ việc đã xử lý	Số vụ việc chưa xử lý
Bắc Kạn	59	4	Toàn bộ về đền bù, GPMB	59	0
Cao Bằng	47	0	Toàn bộ về đền bù, GPMB	47	0
Điện Biên Phủ	128	24	Toàn bộ về đền bù, GPMB	121	7
Hoà Bình	64	2	Toàn bộ về đền bù, GPMB	64	0
Thái Nguyên	20	0	Toàn bộ về đền bù, GPMB	20	0
Tuyên Quang	14	1	Toàn bộ về đền bù, GPMB	14	0
Yên Bái	15	2	Toàn bộ về đền bù, GPMB	14	1
Tổng	**347**	**33**		**339**	**8**

Hiện còn 08 vụ việc đang xem xét giải quyết, cụ thể như sau:

- **TP Điện Biên Phủ:** 7 đơn

– HM Khu tái định cư Him Lam: hộ dân đề nghị UBND thành phố xem xét thu hồi bồi thường là loại đất ở;

– HM Đường từ cầu A1 xuống cầu C4: 06 đơn đề nghị, trong đó:

+ 01 đơn đề nghị xem xét điều chỉnh thu hồi đất từ đất ở sang đất nông nghiệp (giữ lại đất ở).

+ 01 đơn đơn đề nghị xem xét mức áp giá bồi thường 7 m2 đất từ vị trí 2 lên vị trí 1.

+ 01 đơn đề nghị Đề nghị xem xét cấp 01 suất đất tái định cư vì hộ nhiều thế hệ, diện tích còn lại sau thu hồi là đất vườn.

+ 01 đơn đề nghị cho các hộ gia đình được tái định cư tại chỗ (ông bà: Lò Ngọc Vân, Hoàng Thị Biên, TrươngTiến Trường, Lê Đình Chín, Lành Thị Cúc, Trương Doãn Lập, tổ 3, phường Nam thanh).

+ 01 đơn đề nghị UBND thành phố cấp đất ở không thu tiền sử dụng đất.

+ 01 đơn đề nghị do gia đình kê khai sót phần mộ của người thân, đề nghị UBND thành phố xem xét, bổ sung hỗ trợ cho gia đình.

- **Yên Bái (1 đơn):**

- HM Đường Hoàng Văn Thụ: đơn tố cáo của Ông Võ Văn Nhân về việc thực hiện công tác đền bù GPMB.

3.2. Hành động PAP 2 –Đấu thầu cạnh tranh

Trong Quý II năm 2020, 1/7 Thành phố tổ chức hoạt động đấu thầu (Tuyên Quang), 2/7 Thành phố (Điện Biên Phủ và Hòa Bình Bắc Kạn, Cao Bằng, Thái Nguyên và Yên Bái,) không có hoạt động đấu thầu. Xem thêm Phụ lục 3.

Bảng 2. Dự kiến số gói thầu Xây lắp và Tư vấn Thiết kế/ Giám sát Thi công còn lại của Chương trình

ĐVT: triệu VNĐ

Thành phố	Xây lắp		TVGS	
	Số lượng	Giá trị ước tính	Số lượng	Giá trị ước tính
Bắc Kạn	3	115,395	1	1,908
Cao Bằng	-	-	-	-
Điện Biên Phủ	0	-	0	-
Hòa Bình	-	-	-	-
Thái Nguyên	0	0	0	
Tuyên Quang	5	245,334	1	5,028
Yên Bái	-	-	-	-
Tổng	**8**	**360,729**	**2**	**6,936**
Quy đổi trUSD		**15.52**		**0.30**

Nguồn: Tổng hợp dựa trên Báo cáo quý II/2020 về PAP 2 của các TP.

(Tỷ giá hạch toán tháng 7/2020 của BTC: 1 USD = 23.237 đồng)

(Cập nhật 5 thành phố Bắc Kạn, Cao Bằng, Thái nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái)

3.3. Hành động PAP 3 – Kiểm toán nội bộ

Ban Quản lý dự án Phát triển đô thị đã huy động đơn vị Tư vấn Liên danh Công ty TNHH Mazars Việt Nam và Công ty TNHH Tư vấn và kiểm toán VNASC để triển khai dịch vụ kiểm toán nội bộ cho các đơn vị tham gia Chương trình. Báo cáo Kiểm

toán nội bộ Chương trình 6 tháng cuối năm 2019 và năm 2019 đã được gửi tới Ngân hàng Thế giới theo quy định Chương trình.

Ngày 30/6/2020, Ban Quản lý dự án Phát triển đô thị đã có thư gửi Ngân hàng Thế giới đề nghị xem xét việc tăng thời gian cho kỳ kiểm toán nội bộ cuối cùng từ 6 tháng thành 12 tháng để đảm bảo hiệu quả công tác kiểm toán nội bộ. Hiện đang chờ ý kiến của Ngân hàng để thực hiện các bước tiếp theo.

3.4. Hành động PAP 4 – Định giá đất và tài sản

Việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các thành phố về cơ bản tuân thủ đầy đủ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, các quy định trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (POM) và phù hợp với các chính sách an toàn của WB.

Trong năm 2020 có 35 HM phải hoàn thành công tác GPMB, hết Quý II/2020, mới chỉ có 03 HMĐT đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Hiện nay, về tiến độ tổng thể: trong số các thành phố, thành phố Cao Bằng có tiến độ đền bù GPMB đáp ứng tiến độ của dự án; 2 thành phố là Thái Nguyên, Hòa Bình thiếu vốn đối ứng để chi trả đền bù, GPMB; 4 thành phố gồm: Bắc Kạn, Điện Biên Phủ, Tuyên Quang và Yên Bái chậm đền bù, GPMB do vướng mắc về pháp lý liên quan đến sử dụng đất và có khả năng kéo dài, khó giải quyết. Chi tiết tình hình đền bù, GPMB của các thành phố cụ thể như sau:

– Bắc Kạn: Theo kế hoạch nâng cao, 7 hạng mục phải hoàn thành GPMB trong giai đoạn 2019-2020. Trong đó 02 hạng mục chuyển tiếp từ 2019: hạng mục Xây dựng khu tái định cư đang tiến hành chi trả và vẫn có tranh chấp quyền sử dụng đất dẫn của một số hộ dân; hạng mục Xây dựng cầu Nậm Cắt đã bàn giao mặt bằng thi công và hiện đang được nhà thầu tiến hành đắp đất. Hạng mục đăng ký hoàn thành GPMB 2020 là 5: hiện đã có 2/3 HM là Xây dựng đường Tây Minh Khai và Nâng cấp đường từ tổ 11B phường Đức Xuân đi tổ 11 phường Phùng Chí Kiên đã hoàn thành chi trả trên 90%, 3 HM mới chưa thực hiện công tác kiểm đếm, thống kê bồi thường GPMB.

– Cao Bằng: Theo kế hoạch nâng cao, 1 hạng mục phải hoàn thành GPMB giai đoạn 2019-2020 là Kè Sông Bằng đã chi trả đền bù xong cho các hộ dân thuộc địa phận phường Tân Giang.

– Điện Biên Phủ: Theo kế hoạch nâng cao, 6 HM phải hoàn thành GPMB trong năm 2020, trong đó: 2/6 HM đã hoàn thành GPMB, 4/6 HM còn lại đang triển khai, trong đó: các HM phức tạp trong đền bù GPMB là Khu Tái định cư Him Lam (do chênh lệch bồi thường giữa 2 dự án liền kề nhau), HM Hồ Điều hòa sau bệnh viện Đa khoa tỉnh (do vướng 1 hộ dân thuộc dạng đền bù bởi dự án khác mà dự án đó chưa được bố trí vốn chi trả GPMB, đang hoàn thiện hồ sơ để cưỡng chế), HM Đường từ Cầu A1 xuống Cầu C4 (số hộ bị ảnh hưởng nhiều, có 40 hộ chồng lấn 2 dự án khác).

– Thái Nguyên: Theo kế hoạch nâng cao, 1 HM phải hoàn thành GPMB trong năm 2020 là HM Nâng cấp đường Việt Bắc GĐ2, hiện Thành phố đang thiếu vốn chi trả do tăng đơn giá và giá đất bồi thường GPMB so với thời điểm phê duyệt nên phải điều chỉnh chi phí bồi thường GPMB ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Dự kiến hoàn thành năm 2020.

– Hòa Bình: Theo kế hoạch nâng cao, 1 hạng mục đang giải phóng mặt bằng là Nâng cấp cải tạo đường Hòa Bình (còn hai hộ đang trình phê duyệt phương án đền bù GPMB).

– Tuyên Quang: Theo kế hoạch nâng cao, 6 HM phải GPMB, trong đó: 2 hạng mục chuyển tiếp từ năm 2019 là HM Cải tạo đường Tổ 16, 17 đi đường Chu Văn An (01 hộ chưa nhận do thắc mắc đòi bồi thường đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đất, đang chờ kết luận của Sở Tài nguyên Môi trường) và HM Cải tạo nâng cấp Hồ Trung Việt (02 hộ thực hiện điều chỉnh không thu hồi đất); HM Cải tạo nâng cấp đường Bình Thuận (QL37) tổ 18 phường Hưng Thành qua khu tái định cư Ngọc Kim đang hoàn thiện hồ sơ để phê duyệt phương án bồi thường; 3 HM còn lại phải hoàn thành GPMB trong năm 2020 mới đang ở bước hoàn thành đo đạc và đang thực hiện kiểm đếm cần tăng tốc để kịp hoàn thành GPMB.

– Yên Bái: Theo kế hoạch nâng cao, 13 HM phải hoàn thành trong năm 2020, trong đó có 11 hạng mục đã hoàn thành, 2 HM đang thực hiện. HM Công trình Cầu vào Trường mầm non Yên Thịnh hiện đã trình thẩm định 05 hộ, dự kiến thực hiện xong tháng 7/2020; HM Tuyến đường Điện Biên – Yên Ninh còn 03 hộ chưa phê duyệt phương án do 02 hộ chưa nộp đủ giấy tờ liên quan, 01 hộ phải điều tra giá đất cụ thể theo thửa đất điều chỉnh bản đồ.

Tổng hợp công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2020 được trình bày tại Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3: Tình hình thực hiện PAP 4 năm 2020

TT	Thành phố	Đền bù, giải phóng mặt bằng (Hành động PAP 4)				
		SL HM phải hoàn thành đền bù, GPMB trong năm 2020				Giá trị bồi thường năm 2020 đã chi trả (tỷ *đồng)*
		SL	Đã hoàn thành	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	
1	Bắc Kạn	7	0	5	0	-
2	Cao Bằng	1	1	0	0	0
3	Điện Biên Phủ	6	2	4	0	-
4	Hoà Bình	1	0	1	0	-
5	Thái Nguyên	1	0	1	0	82,966
6	Tuyên Quang	5	0	5	0	-
7	Yên Bái	13	11	2	0	-
Tổng		**35**	**14**	**19**	**0**	**-**

3.1. Hành động PAP 5 – Tham vấn cộng đồng

Cả 7 thành phố đã tuân thủ đầy đủ theo Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình đô thị miền núi phía Bắc về công tác tham vấn cộng đồng (PAP 5). Tất cả các thành phố (7) đều đã lập và phê duyệt kế hoạch tham vấn cho tất cả các HM của Chương trình.

Các buổi tham vấn có các biên bản (đối với hình thức tham vấn theo nhóm) và có các phiếu tham vấn (đối với hình thức tham vấn từng hộ gia đình).

Tất cả các thành phố tham gia Chương trình đều đã thành lập Ban giám sát cộng đồng trong đó có cả các thành viên là người dân trong cộng đồng được hưởng lợi từ Chương trình. Thực tế trong đầu năm 2020, công tác thực hiện tham vấn cộng đồng bị tạm ngừng do phải cách ly cộng đồng và chống tụ tập đông người để hạn chế dịch Covid - 2019. Tổng hợp kết quả tham vấn xem tại Bảng 4.

Bảng 4: Tổng hợp kết quả tham vấn

STT	Thành phố	Số hạng mục được thực hiện tham vấn trong năm 2020		Số lần thực hiện theo các giai đoạn trong năm 2020		
		Số hạng mục chuyển tiếp	Số hạng mục khởi công 2020	Giai đoạn chuẩn bị	Giai đoạn thực hiện	Giai đoạn hoàn thành
1	Bắc Kạn	2	0	0	0	0
2	Cao Bằng	1	0	0	0	0
3	Điện Biên Phủ	0	0	0	0	0
4	Hòa Bình	0	0	0	0	0
5	Thái Nguyên	1	0	1	1	0
6	Tuyên Quang	0	0	5	5	0
7	Yên Bái	0	0	0	0	0
	Tổng	**4**	**0**	**6**	**6**	**0**

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

4.1. Thực tế tiếp nhận và giải ngân

Bảng 5. Giá trị tiếp nhận và giải ngân năm 2020

Đơn vị tính: trVND

Tên	**Tiếp nhận năm 2020**			**Lũy kế tiếp nhận đến hết Quý 2/2020**		
	ODA	**Đối ứng**	**Tổng**	**ODA**	**Đối ứng**	**Tổng**
Bắc Kạn	123,817	45,000	168,817	331,703	159,686	491,389
Cao Bằng	96,774	18,437	115,211	451,899	76,124	528,023
Điện Biên Phủ	0	13,665	13,665	378,243	61,433	439,676
Hòa Bình	0	9,000	9,000	308,403	28,479	336,882
Thái Nguyên	200,000	13,000	213,000	859,755	182,222	1,041,977
Tuyên Quang	27,672	30,000	57,672	317,775	67,926	385,701
Yên Bái		7,000	7,000	375,400	73,010	448,410
Bộ Xây dựng				36,401	17,793	54,194
Tổng	**448,263**	**136,102**	**584,365**	**3,059,579**	**666,673**	**3,726,252**
Quy đổi: tr USD	***19.29***	***5.86***	***25.15***	***131.67***	***28.69***	***160.36***

Bảng 6. Giá trị giải ngân

Đơn vị tính: trVND

Tên	**Giải ngân năm 2020**			**Lũy kế giải ngân từ đầu Chương trình**		
	ODA	Đối ứng	Tổng	ODA	Đối ứng	Tổng
Bắc Kạn	-	25,814	25,814	205,432	140,500	345,932
Cao Bằng	49,671	17,312	66,983	386,684	68,998	455,682
Điện Biên Phủ			-	375,924	48,162	424,086
Hòa Bình	-	1,526	1,526	306,861	17,888	324,749
Thái Nguyên	176,888	-	176,888	836,643	182,222	1,018,865
Tuyên Quang	27,362	2,285	29,647	317,465	2,285	319,750
Yên Bái	65,696	12,676	78,372	367,447	69,096	436,543
Bộ Xây dựng	2,000	682	2,682	26,788	17,110	43,898
Tổng	**321,617**	**60,295**	**381,912**	**2,823,244**	**546,261**	**3,369,505**
Quy đổi: tr USD	**13.84**	**2.59**	**16.44**	**121.50**	**23.51**	**145.01**

(Tỷ giá hạch toán giữa VND với USD tháng 7/2020 là 1 USD = 23.237 đồng.)

4.2. Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (bổ sung tháng 11/2019) và kế hoạch giao vốn năm 2020

Bảng 7. Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 và kế hoạch giao vốn năm 2020

Đơn vị tính: trVNĐ

Thành phố	Vốn trung hạn 2016-2020 (Đã bao gồm giá trị giao bổ sung theo QĐ số 1746/QĐ-BKHĐT ngày 07/11/2019, QĐ 303/QĐ-TTg ngày 31/3/2019 (vốn ODA) và QĐ 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 (vốn đối ứng) (bao gồm : NSTW cấp phát và cho vay lại)			Vốn trung hạn đã giao 2016-2019			Vốn trung hạn còn lại trước khi giao vốn năm 2020			Nhu cầu theo KHNC 2020			KH giao vốn 2020 (theo các QĐ giao vốn của địa phương)			Vốn trung hạn còn lại		
	(1)			(2)			(3)=((1)-(2)			(4)			(5)			(6)=(3)-(5)		
	IDA	Đối ứng	Tổng	IDA	Đối ứng	Tổng	IDA	Đối ứng	Tổng	IDA	Đối ứng	Tổng	IDA	Đối ứng	Tổng	IDA	Đối ứng	Tổng
Bắc Kạn	491,861	140,230	632,091	220,899	55,987	205,348	270,962	84,243	347,973	216,695	144,608	361,303	259,976	30,000	40,760	10,986	54,243	307,213
Cao Bằng	567,196	68,428	635,624	403,456	24,251	303,239	163,740	44,177	236,477	117,273	12,192	129,465	125,459	25,287	58,132	38,281	18,890	178,345
Điện Biên Phủ	539,786	63,737	603,523	378,243	33,138	403,282	161,543	30,599	160,241	141,400	39,817	181,217	83,794	12,500	55,211	77,749	18,099	105,030
Hòa Bình	630,966	22,113	653079	286,003	50,031	229,475	344,963	(27,918)	353,395	312,324	28,400	340,724	177,778	1,879	114,578	167,185	(29,797)	238,817
Thái Nguyên	1,209,238	110,000	1,319,238	659,756	51,537	524,034	549,482	58,463	626,980	542,520	101,991	644,511	554,470[3]	8,693	76,425	-4,988	49,770	550,555
Tuyên Quang	672,097	7,411	679,508	325,685	17,672	286,385	346,412	(10,261)	343,398	236,786	106,507	343,293	359,543[4]	21,159	46,894	-13,131	(31,420)	296,504
Yên Bái	614,461	91,790	706,251	342,400	28,673	198,149	272,061	63,117	436,622	181,632	33,826	215,458	138,468	20,000	135,729	133,593	43,117	300,893
Tổng	**4,725,605**	**503,708**	**5,229,314**	**2,616,442**	**261,289**	**2,149,912**	**2,109,163**	**242,419**	**2,505,085**	**1,748,630**	**467,341**	**2,215,971**	**1,699,488**	**119,518**	**527,729**	**409,675**	**122,901**	**1,977,356**

[3] Số liệu vốn giao năm 2020 của tỉnh Thái Nguyên trong bảng bao gồm: i) vốn giao bổ sung năm 2019 là 297 tỷ (285 tỷ NSTW cấp phát và 12 tỷ cho vay lại); và ii) vốn giao năm 2020 là 257.47 tỷ (231.723 tỷ NSTW cấp phát và 25.747 tỷ cho vay lại);

[4] Số liệu vốn giao năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang là số tạm tính dựa trên số liệu báo cáo của tỉnh.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUÝ III/2020

TT	Hành động	Trách nhiệm
1.	Đẩy nhanh công tác đề xuất gia hạn thời gian thực hiện dự án và sử dụng vốn dư Chương trình theo kế hoạch đã thống nhất	Tất cả các bên tham gia
2.	Đẩy nhanh triển khai công tác đền bù, GPMB và thi công các HM đăng ký theo KHNC 2020	7 Thành phố
3.	Đẩy nhanh công tác xây dựng/phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức đấu thầu các gói thầu của các HM chưa triển khai	Bắc Kạn, Cao Bằng, Tuyên Quang
4.	Tổ chức tham vấn (hành động PAP 5) theo quy định	7 Thành phố
5.	Thực hiện các khuyến nghị của KTNN, KTNB	Các đơn vị tham gia Chương trình
6.	AMC triển khai Kế hoạch phát triển năng lực chi tiết cho năm 2020	BXD
7.	Thống nhất phương pháp tính một số chỉ số Khung kết quả	BXD, WB, 7 thành phố
8.	Thực hiện thủ tục xác nhận kết quả năm 2019 sau khi có báo cáo của Kiểm toán Nhà nước	BXD

VI. CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. KHUNG KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH

TT	Chỉ số	Lõi	DLI	Đơn vị tính	Cơ sở		2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tần suất	Phương pháp	Chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu
	Mục tiêu phát triển Chương trình: ***Tăng cường năng lực cho các thành phố khu vực miền núi phía Bắc tham gia chương trình trong việc lập kế hoạch, thực hiện đầu tư và duy trì các dịch vụ hạ tầng đô thị***														
I	**Chỉ số kết quả cấp PDO**														
1	Kế hoạch nâng cao	☐	☒	# Số thành phố tham gia	-	Plan	7	7	7	7	7	7	Annual	MIS & Verification Audit	MOC/SAV
						Actual	7	7	7	7	7				
2	Kế hoạch đánh giá tài sản	☐	☒	Có/Không	n/a	Plan	Yes	Yes	Yes	Yes	Yes	Yes	Annual after 2017	Verification Audit	SAV
						Actual	Yes	Yes	Yes.	Yes					
3	Chiế nlược thực hiện NUPD	☐	☒	Có/Không	n/a		Policy Note	Implementation framework	expenditure framework	management capacity	national rollout	Implementation in phase 2	Annual, as specified	Competent Authority	MOC
4	Số lượng người được hưởng lợi từ Chương trình (phân theo giới)	☒	☐	#	0	Plan	0	23,820	141,700	178,000	240,700	759,300	Annual	MOC	CPC
						Actual	**23,194**	**66,701**	**156,790**	**520,983**	**534,706**				
						Male	11,044	31,594	77,425	256,403	264,276				
						Female	12,150	35,107	79,365	264,580	270,430				
II	**Chỉ số kết quả trung gian**														
	Kết quả1: Tăng cường thể chế cấp Thành phố														
5	Thiết lập các đơn vị quản lý cán bộ chuyên môn	☐	☒	# of Participating Cities	-	Plan	7	7	7	7	7	7	Annual	MIS / Verification Audit	MOC / SAV
						Actual	7	7	7	7	7				
	Kết quả 2: Cung cấp dịch vụ hạ tầng														

TT	Chỉ số	Lõi	DLI	Đơn vị tính	Cơ sở		2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tần suất	Phương pháp	Chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu
6	Người được hưởng lợi từ các dịch vụ hạ tầng sơ cấp/ thứ cấp	☒	☐	#	0	Plan	0	813.37	80,000	104,400	151,300	651,500	Annual	MOC	CPC
						Actual	**7,897**	**46,895**	**78,178**	**82,825**	**425,466**				
						Male	4,066	22,433	39,019	41,111	223,348				
						Female	3,831	24,462	39,159	41,714	228,118				
7	Người được hưởng lợi từ các dịch vụ hạ tầng cấp 3/ hạ tầng xã hội được cải thiện (phân theo giới)	☒	☐	#	0	Plan	0	10.45		73.6	89.4	107.8	Annual	MOC	CPC
						Actual	**15,297**	**19,806**	**78,612**	**458,158**	**83,240**				TBD
						Male	6,978	9,161	38,406	225,292	40,298				
						Female	8,319	10,645	40,206	232,866	42,312				
8	Người dân tộc thiểu số được hưởng lợi (phân theo giới)	☒	☐	%	0	Plan	0	32%	25%	23%	21%	14%	Annual	MOC	CPC
						Actual	**37%**	**62%**	**47%**	**12%**	**16%**				
						Male	34%	59%	44%	12%	21%				
						Female	40%	64%	49%	13%	10%				
9	Hoàn thành xây dựng mới và nâng cấp đường xá (TBD)	☐	☐	km	0	Plan	1.5	37.3	42.5	72.7	98.9	101.9	Annual	Enhanced Annual City Plan	MOC/ CPC
						Actual	**10.4**	**29.4**	**45.00**	**71.67**	**16**				
10	Các khu tái định cư được hoàn thành (TBD)	☐	☐	hectares	0	Plan	32	13	141	10	8	32	Annual	Enhanced Annual City Plan	MOC/ CPC
						Actual	**30**	**11**	**138**	**5**	**55**				
11	Khu vực cho người thu nhập thấp được nâng cấp (TBD in next mission)	☐	☐	hectares	0	Plan	23	53	116	118	23	0	Annual	Enhanced Annual City Plan	MOC/ CPC
						Actual	**21**	**50**	**110**	**388**	**23.9**				
	Kết quả 3: Tính bền vững của cơ sở hạ tầng														
12	Tăng nguồn tự thu hàng năm tại các thành phố tham gia ít nhất 12% so với năm	☐	☒	# of Participating Cities		Plan	7	7	7	7	7	7	Annual	Financial statement/ verification report	MOC/ SAV

TT	Chỉ số	Lõi	DLI	Đơn vị tính	Cơ sở		2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tần suất	Phương pháp	Chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu
	trước					Actual	**6**	**2**	**1**	**3**	**2**				
	Kết quả 4: Chính sách quốc gia. Hỗ trợ và Giám sát														
13	Thiết lập đơn vị quản lý bao gồm các cán bộ chuyên môn tại BXD và Hỗ trợ năng lực cho các thành phố theo Kế hoạch Tăng cường Năng lực Hàng năm	☐	☒	%	-	Plan	100	100	100	100	100	100	Annual	MIS / Verification Audit	MOC / SAV
						Actual	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**				
14	Báo cáo Chương trình hoàn tất	☐	☒	Yes/No		Plan	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Annual	Verification report	SAV
						Actual	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**	**Có**			

PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CỦA CÁC THÀNH PHỐ NĂM 2020

TT	Thành phố	Quyết định phê duyệt	Trang web công bố
1	Bắc Kạn	Quyết định số 2768 QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND thành phố Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020	https://tpbackan.backan.gov.vn/Pages/quy-hoach-ke-hoach-335/ke-hoach-phat-trien-kt-xh-337/qd-so-2768-qd-ubnd-ve-viec-giao-chi-ti-98e697b952a6fdc6.aspx
2	Cao Bằng	Quyết định số 4997/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Cao Bằng phê duyệt Kế hoạch đầu tư tăng cường năm 2020 dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Cao Bằng"	http://ubndtp.caobang.gov.vn/tpcaobang/1297/31378/81841/653058/Quy-hoach-Nganh---Linh-vuc/Phe-duyet-ke-hoach-nang-cao-nam-2020-du-an--Chuong-trinh-do-thi-mien-nui-phia-Bac---Thanh-pho-Cao-Bang-.aspx
3	Điện Biên Phủ	Quyết định 2069/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 phê duyệt Kế hoạch đầu tư tăng cường năm 2020 dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Điện Biên Phủ"	http://tpdienbienphu.dienbien.gov.vn/vi/noidunghopubnd/Do-thi-mien-nui/Do-thi-mien-nui-cac-tinh-phia-Bac-Thanh-pho-Dien-Bien-Phu-qua-cac-nam-1/
4	Hòa Bình	Quyết định 3786/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 phê duyệt Kế hoạch nâng cao năm 2020 dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Hòa Bình"	http://ubndtp.hoabinh.gov.vn/kinh-te-do-thi/2207-k-ho-ch-nang-cao-nam-2020-c-a-d-an-chuong-trinh-do-th-mi-n-nui-phia-b-c-thanh-ph-hoa-binh
5	Thái Nguyên	Quyết định 12222/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 phê duyệt Kế hoạch đầu tư tăng cường năm 2020 dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Thái Nguyên"	http://thainguyencity.gov.vn/home/news/?22773/Quyet-dinh-phe-duyet-ke-hoach-tang-cuong-nam-2020-du-an-
6	Tuyên Quang	Quyết định 530/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 phê duyệt Kế hoạch nâng cao năm 2020 áp dụng cho dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang"	http://www.thanhphotuyenquang.gov.vn/
7	Yên Bái	Quyết định 4759/QĐ-UBND ngày 30/12/2018 phê duyệt Kế hoạch đầu tư tăng cường năm 2020 thuộc dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Yên Bái"	http://thanhphoyenbai.yenbai.gov.vn/Cms_Data/Contents/tpyb-vi/Folders/ktxh/~contents/S3TJXWUXDJRQ5XTZ/4759QDUBND.pdf http://thanhphoyenbai.yenbai.gov.vn/Cms_Data/Contents/tpyb-vi/Folders/ktxh/~contents/TE725MSMR38YUG45/4269QDUBND.pdf
8	Website Cục Phát triển đô thị		http://www.phattriendothi.vn/News/Item/20646/18/vi-VN/ke-hoach-nang-cao-nam-2020-chuong-trinh-do-thi-mien-nui-phia-bac-vay-von-ngan-hang-the-gioi-wb.aspx

PHỤ LỤC 3. TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PAP 2

A. PAP 1: Các thành phố dự án phải tăng cường tính minh bạch bằng cách duy trì cơ sở dữ liệu về (a) các khiếu nại liên quan đến tham vấn cộng đồng/**gian lận tham nhũng /trách nhiệm giải trình về đấu thầu và quản lý hợp đồng** và thực hiện Chương trình và các tài liệu trả lời/xử lý các khiếu nại đó; và (b) phản ánh của người thụ hưởng đến cơ quan thực hiện và các trả lời cho các phản ánh đó. Thông tin này phải được Bộ Xây Dựng tổng hợp ở mức độ quốc gia và báo cáo thường kỳ cho Ngân hàng.

Dữ liệu về khiếu nại liên quan đến Gian lận và Tham nhũng

Số TT	Mô tả	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	**Số lượng khiếu nại tiếp nhận và lưu giữ trong cơ sở dữ liệu**							
	Bắc Kạn	0	0	0	0	18	4	
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0	0			
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	
2	**Số lượng khiếu nại được trả lời/xử lý**							
	Bắc Kạn	0	0	0	0	18	4	
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0	0			
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	

Dữ liệu về khiếu nại liên quan đến Đấu thầu mua sắm, Quản lý Tài chính và Quản lý Hợp đồng

Số TT	Mô tả	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	**Số lượng khiếu nại tiếp nhận và lưu giữ trong cơ sở dữ liệu**							
	Bắc Kạn	16	10	5	7		4	
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	2	0			
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	1	0	0	0	
2	**Số lượng khiếu nại được trả lời/xử lý**							
	Bắc Kạn	16	10	5	6	18	4	
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	2	0			
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	1	0	0	0	

B. PAP 2:

a) Tất cả các đề xuất tư vấn cho các hợp đồng thiết kế và giám sát thi công và các hồ sơ dự thầu cho các hợp đồng xây lắp, bất kể giá chào thầu thấp hoặc cao hơn dự toán, đều phải được xem xét đánh giá; các đề xuất và hồ sơ dự thầu không được loại bỏ vì các sai lệch nhỏ không quan trọng

Số TT	Mô tả	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	**Số lượng hồ sơ dự thầu bị loại vì giá dự thầu cao hơn dự toán**							
	Bắc Kạn	0	0	1	0	0		
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0	0			
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	1	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	
2	**Số lượng hồ sơ dự thầu bị loại vì các sai lệch nhỏ không quan trọng**							
2	Bắc Kạn	0	0	0	0	0		
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0	0			
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	

b) Ít nhất 30% các hợp đồng tư vấn thiết kế và giám sát thi công phải được đấu thầu cạnh tranh, tỷ lệ này phải tăng dần lên đến 80% vào giai đoạn cuối của Chương trình.

Số TT	Mô tả	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	**Số lượng các Hợp đồng tư vấn thiết kế và giám sát thi công trong Kế hoạch đấu thầu**							
	Bắc Kạn	11	6	5	5	1	1	
	Cao Bằng	2	0	2	3	2	1	
	Điện Biên Phủ	1	1	0	0			
	Hòa Bình	5	1		1			
	Thái Nguyên	3	4	2		0	0	
	Tuyên Quang	0	1	0	0			
	Yên Bái	4	3	6	0	4	6	
2	**Số lượng các Hợp đồng tư vấn thiết kế và giám sát thi công được đấu thầu cạnh tranh**							
	Bắc Kạn	7	3	5	2	1	1	
	Cao Bằng	2	0	1	3	2	1	
	Điện Biên Phủ	1	1	0	0			
	Hòa Bình	3	1		1			
	Thái Nguyên	3	4	2		0	0	
	Tuyên Quang	0	1	0	0			
	Yên Bái	2	3	1	0	4	6	

3	**Số lượng các Hợp đồng tư vấn thiết kế và giám sát thi công được chỉ định thầu**							
	Bắc Kạn	4	3	0	3	0	0	
	Cao Bằng	0	0	1	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0	0			
	Hòa Bình	2	0		0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	2	0	5	0	0	0	

c) Ít nhất 90% các hợp đồng xây lắp phải được đấu thầu cạnh tranh, tỷ lệ này phải tăng dần lên 100% vào giai đoạn cuối của Chương trình

Số TT	Mô tả	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	**Số lượng các Hợp đồng xây lắp trong Kế hoạch đấu thầu**							
	Bắc Kạn	6	0	3	1	1	Chưa có KHĐT	
	Cao Bằng	9	3	7	1	2	1	
	Điện Biên Phủ	5	5	7	4			
	Hòa Bình		2		1			
	Thái Nguyên	3	7	4	2	0	2	
	Tuyên Quang	0	1	0	0			
	Yên Bái	11	4	15	0	5	11	
2	**Số lượng các Hợp đồng xây lắp được đấu thầu cạnh tranh**							
	Bắc Kạn	5	0	3	1	1	Chưa có KHĐT	
	Cao Bằng	9	3	5	1	2	1	
	Điện Biên Phủ	5	5	7	4			
	Hòa Bình		2		1			
	Thái Nguyên	3	7	4	2	0	2	
	Tuyên Quang	0	1	0	0			
	Yên Bái	11	4	15	0	5	11	
3	**Số lượng các Hợp đồng xây lắp được chỉ định thầu**							
	Bắc Kạn	1	0	0	0	0	0	
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0				
	Hòa Bình		0		0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	

d) Các doanh nghiệp có vốn Nhà nước trực thuộc Tỉnh/Thành phố/Sở của tỉnh thực hiện Chương trình không được phép tham gia đấu thầu

Số TT	Mô tả	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	**Số lượng tất cả các Hợp đồng (xây lắp, tư vấn) trong Kế hoạch đấu thầu**							
	Bắc Kạn	11	6	5	5	1	1	Chưa có KHĐT
	Cao Bằng	11	3	10	4	4	2	
	Điện Biên Phủ	6	6	7				
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	9	17	
2	**Số lượng các Hợp đồng (xây lắp và tư vấn) trao thầu cho công ty có cổ phần Nhà nước do UBND tỉnh mời thầu nắm giữ**							
	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0				
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0			
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	

e) Công ty và cá nhân trong danh sách công ty/cá nhân bị Ngân hàng Thế giới tuyên bố không hợp lệ và treo tư cách hợp lệ và trong danh sách công ty/cá nhân vi phạm ở phạm vi quốc gia và địa phương không được phép tham gia đấu thầu.

Số TT	Mô tả	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	**Số lượng tất cả các Hợp đồng (xây lắp và tư vấn) trong Kế hoạch đấu thầu**							
	Bắc Kạn	11	6	5	5	1	1	Chưa có KHĐT
	Cao Bằng	11	3	10	4	4	2	
	Điện Biên Phủ	6	5	8	4			
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0		0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	
	Yên Bái	15	7	21	0	9	17	
2	**Số lượng các Hợp đồng (xây lắp và tư vấn) trao thầu cho công ty bị Ngân hàng Thế giới tuyên bố không hợp lệ hoặc treo tư cách hợp lệ**							
	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0	0			
	Hòa Bình	0	0	0	0			

	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	
3	**Số lượng các Hợp đồng (xây lắp và tư vấn) trao thầu cho công ty trong Danh sách công ty/cá nhân vi phạm trên mạng Đấu thầu Điện tử quốc gia (muasamcong.mpi.vn) và/hoặc bị UBND tỉnh cấm**							
	Bắc Kạn	0	0	0	0	0		
	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
	Điện Biên Phủ	0	0	0				
	Hòa Bình	0	0	0	0			
	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
	Tuyên Quang	0	0	0	0			
	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	

Nguồn: Tổng hợp theo file báo cáo về PAP 2 của các Ban Quản lý dự án theo mẫu WB

PHỤ LỤC 4. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PAP 4

BẢNG 1. TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

Participating city	No. of Affected Household (hh) Số hộ bị ảnh hưởng										Scale of land acquisition (m2) Quy mô thu hồi đất				No. of hh affected by loss of assets Số hộ BAH tài sản trên đất		Voluntary land donation Hộ hiến đất				Ghi chú
	Total	Effected by Residential land Số hộ BAH đất ở		Affected by Agricultural land Số hộ BAH đất nông nghiệp		Other land Số hộ BAH đất khác	No. of Vulnerable hh Số hộ bị tổn thương		No. of Business hh Số hộ BAH kinh doanh	No. of relocated hh Số hộ TĐC	Res. Land Đất ở	Agr. Land Đất NN	Other Đất khác	Total Tổng số	HH with land compensation Hộ có bồi thường đất	HH without land compensation Hộ không bồi thường đất, chỉ bồi thường vật kiến trúc, cây cối	No. of hh Số hộ hiến	Scale of land donated (m2) Quy mô hiến			
		Partially Một phần	Fully Toàn phần	<30%	≥ 30%		Total Tổng số	of which Ethnic Minority Số hộ BAH là DTTS										Res. Land Đất ở	Agr. Land Đất NN	Other Đất khác	
1	*2=(3+4+5+6+7+18)*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	
Bac Kan	505	72	93	274	63	1	351	-	-	93	16,623	159,125	35,899	339,668	544	2	-	-	-	-	
Cao Bang	2,097	897	-	260	-	24	-	-	-		-	-	-	-	-	1,339	1,400	9,520	9,672	37.7	
Dien Bien Phu	715	18	15	263	53	6	317	81	-		1,480	66,199	30,202	97,881	308	1	-	-	-	-	
Hoa Binh	766	341	39	139	-	7	766	108	11	39	9,276	7,616	7,842	24,734	526	240	-	-	-	-	*Chưa gửi BC*
Thai Nguyen	949	308	281	251	91	11	117	-	67	312	21,150	55,079	7,940	84,169	808	7	-	-	-	-	
Tuyen Quang	663	433	9	45	-	166	663	-	23	10	7,839	11,066	4,860	23,765	645	-	-	-	-	-	*Chưa gửi BC*
Yen Bai	1,341	528	14	333	23	4	885	-	-	9	5,301	53,769	44,109	92,991	509	161	161	625	5,530	18,445	
TOTAL	**7,036**	**2,597**	**451**	**1,565**	**230**	**219**	**3,099**	**189**	**101**	**463**	**61,669**	**352,854**	**130,851**	**663,208**	**3,340**	**1,750**	**1,561**	**10,145**	**15,202**	**18,483**	

BẢNG 2 TIẾN ĐỘ CHI TRẢ ĐỀN BÙ

Participating city	**Total affected hh** Tổng số hộ BAH	**Total compensation value (VND)** Tổng giá trị bồi thường			**Compensation progress** Tiến độ thực hiện				**Percentage of land clearance per total land required (%)** Tỷ lệ GPMB trên tổng diện tích đất	Ghi chú
		Approved value Giá trị phê duyệt	**Actual payment** Chi trả thực tế	**Percentage of payment (%)** Tỷ lệ đã chi trả	**No. of hh received, handed-over** Số hộ BAH đã nhận và bàn giao	**No. of hh received, NOT handed-over** Số hộ BAH đã nhận và chưa bàn giao	**No. of hh handed-over, NOT received** Số hộ BAH đã bàn giao và chưa nhận	**No. of hh NOT received, NOT handed-over** Số hộ BAH chưa bàn giao và chưa nhận		
Bac Kan	604	88,727,829,068	88,240,936,596	99%	542	-	1	93		
Cao Bang	2097	19,559,710,796	19,559,710,796	100%	2,097.0	0	0	0		
Dien Bien Phu	720	27,007,246,277	13,578,320,660	50%	353	-	-	31		
Hoa Binh	766	67,411,286,244	65,899,439,252	98%	763	-	-	35		
Thai Nguyen	949	326,016,349,599	281,853,565,414	86%	752	-	1	196		
Tuyen Quang	656	32,983,614,846	31,784,853,646	96%	644	-	-	5		**Chưa gửi BC**
Yen Bai	1,167	29,059,504,855	26,732,093,455	92%	805	-	93	269		
TOTAL	**6,959**	**590,765,541,685**	**527,648,919,819**	**6**	**5,956**	**-**	**95**	**629**	**-**	

BẢNG 3. TÌNH HÌNH TÁI ĐỊNH CƯ

Participating city	**No. of Relocated Household (hh)** Số hộ tái định cư			**Resettlement site development** Khu vực tái định cư					**Ghi chú**
	Total Tổng số	**Resettled to res. Site** Di dời đến khu TĐC	**Self-relocation** TĐC tại chỗ	**No. of reset-tlement site** Số khu TĐC	**Total No. of land plot** Tổng số lô của khu TĐC	**No. of hh relocated in res. Site** Số hộ di dời đến khu TĐC	**No. of plot occupied** Số lô đất được sử dụng	**No. of hh received LURC (if available)** Số hộ được nhận sổ đỏ (nếu có)	
Bac Kan	21	21	0	2	0	3	3	3	
Cao Bang	0	0	0	0	0	0	0	0	
Dien Bien Phu	16	16	0	2	0	0	0	0	Chưa nộp BC
Hoa Binh	39	0	0	2	0	39	0	39	
Thai Nguyen	126	78	48	4	149	133	133	133	Chưa nộp BC
Tuyen Quang	10	-	7	2	-	2	-	8	*Chưa đầy đủ số liệu*
Yen Bai	10	9	0	1	0	9	9	10	Chưa nộp BC
TOTAL	**222**	**124**	**55**	**13**	**149**	**186**	**145**	**193**	

PHỤ LỤC 5. CHI TIẾT THEO TỪNG THÀNH PHỐ

I. THÀNH PHỐ BẮC KẠN

1. Bản đồ và Dữ liệu Chính

Thành phố Bắc Kạn: 12 tiểu dự án, 34,3 triệu $ (IDA: 23,48 Vốn đối					
Giai đoạn 1 (2015-2016) 5 tiểu dự án			Giai đoạn 2 (2017-2020) 2 tiểu dự án		
IDA	**VĐƯ**	**Tổng số**	**IDA**	**VĐƯ**	**Tổng số**
5,74	**1,28**	**7,02**	**17,75**	**9,54**	**27,29**
81,76%	**18,24%**	**100%**	**65,04%**	**34,96%**	**100%**

• **Tổng số 13 tiểu dự án:** 6 đã hoàn thành đến tháng 5 năm 2020: 2 hoàn thành 2015 (đã được xác minh lại và đạt kết quả trong đợt XMKQ lần 2 năm 2018 ; 2 hoàn thành và được xác minh năm 2016; 2 hoàn thành và được xác minh năm 2017; không có HM hoàn thành 2018. Năm 2020 đăng ký hoàn thành 04 HM (02 HM chuyển tiếp từ 2019) hiện nay 04 HM này đang thực hiện thi công xây lắp hiện trường. 02 HM (đường Nà May- Nà Nàng và đường Nà Cườm Nà May) đã được thay thế bằng 3 HM khác (UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án tại Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 và UBND thành phố đã phê duyệt chi phí tư vấn cho các hạng mục thay đổi tại Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 và trình Bộ Xây dựng cập nhật).

• **Dự toán tổng chi phí các công trình của tất cả các tiểu dự án là 21,4 triệu $;** Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án đã hoàn thành đến tháng 11 năm 2018 là 10,02 triệu $ (47% tổng dự toán chi phí công trình); giá trị hợp đồng thực tế là 7,56 triệu $; Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án còn lại là 11,38triệu $ (53% tổng dự toán chi phí công trình).

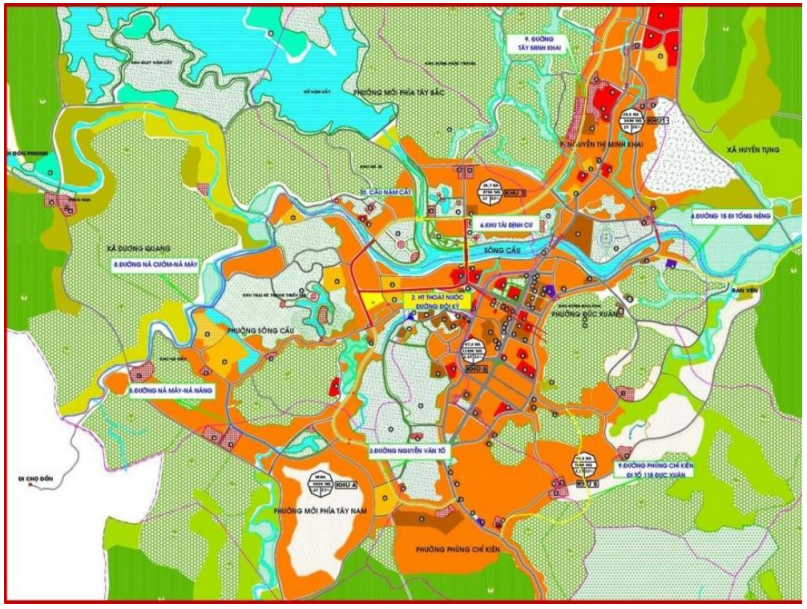

Bản đồ các tiểu dự án

2. Tiến độ chi tiết

Năm	Tên các tiểu dự án hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
2015	**2**	**2,161,664**		**1,921,556**		

Năm		Tên các tiểu dự án hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
GIAI ĐOẠN 1	1	Thoát nước cho Đường Đội Kỳ	299,279	**Hoàn thành**	262,461	2015	
	2	Đường Nguyễn Văn Tố	1,862,385	**Hoàn thành**	1,659,096	2015	Đã XM lại vào đợt 2 năm 2018 – Đạt KQ
	2016	**2**	**3,623,038**		**2,529,205**		
	3	Đường từ Tổ 1B đến Tống Nẻng	2,942,638	Chuyển tiếp	1,919,037	2015	
	4	Cải tạo thoát nước cho Tổ 2,3, Phường Đức Xuân	526,053	**Hoàn thành**	464,016	2015	
	5	Đường Kon Tum	70,767	**Hoàn thành**	61,980		
	6	Kè suối Pà Đanh	83,580	Chuyển tiếp	84,173	2017	
	2017	**2**	**3,026,218**		**2,003,210**		
GIAI ĐOẠN 2		Đường từ tổ 1B đến Tống Nẻng		**Hoàn thành**			
		Kè suối Pà Đanh		**Hoàn thành**			
	2018	**0**					**Không đăng ký hoàn thành dự án nào**
	2019	**3**	**7,395,395**		**4,599,411**		
	7	Cầu Nặm Cát	4,076,317	Chuyển tiếp	2,511,912	2017	
	8	Đường Tổ 11B, Phường Đức Xuân – Tổ 11, phường Phùng Chí Kiên	1,191,859	Đã có QĐ lựa chọn nhà thầu.	-	DK 2019	Định giá đất và tài sản
	9	Khu tái định cư	2,127,219	Chuyển tiếp	2,087,499	2017	82%
	2020	**3**	**8,226,663**		**4,325,259**		
	10	Đường Tây Minh Khai	2,921,083	Đang thực hiện	4,325,259	2018	Gói thầu BKII – 27 : 22% Gói thầu BKII – 26: 36%
	7	Cầu Nặm Cát	4,076,317	Đang thực hiện	2,511,912	2017	91,4%
	8	Đường Tổ 11B, Phường Đức Xuân – Tổ 11, phường Phùng Chí Kiên		Đang thực hiện			Đã trao hợp đồng ngày 08/01/2020 và đã khởi công xây dựng, đến nay đã có 02/3 nhà thầu tiến hành thi công. 01 nhà thầu đang chờ bàn giao mặt bằng.

Năm		Tên các tiểu dự án hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
	9	Khu tái định cư	2,127,219	Đang thực hiện	2,087,499	2017	82,7%
	11*	Đường Nà Cườm-Nà May	3,288,814	Thay đổi			Đã được thay thế bằng 03 HM khác, (UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án tại Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 và UBND thành phố đã phê duyệt chi phí tư vấn cho các hạng mục thay đổi tại Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 18/11/2019;
	12*	Đường Nà May-Nà Nàng	2,016,766	Thay đổi			
	11	Xây dựng cầu Đội Kỳ					Đến nay đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và trao hợp đồng tư vấn trong QuýI/2020.
	12	Nâng cấp, cải tạo đường Đội Kỳ và đường Bàn Văn Hoan					
	13	Cải tạo, sửa chữa và khắc phục tình trạng ngập lụt trường THCS Bắc Kạn					
Tổng số		**13 (6 hoàn thành-4 đang TH-3 hoàn thành đấu thầu)**	**21,406,760**		**13,375,433**		**6/13 đã được XMKQ – đạt.**
Chú thích: 02 HM (11*, 12*) đã được UBND tỉnh quyết định thay thế bằng 03 HM khác nên tổng số HM hiện nay là 13 HM.							

3. Thiếu hụt phân bổ và vốn trong MTIP

- Hiện tại, vốn IDA và vốn đối ứng theo QĐ số 303 và QĐ số 1746 phê duyệt điều chỉnh MTIP (2016-2020) là 19,58 triệu $ và 7,04 triệu $.
- Vốn IDA và vốn đối ứng sẵn có còn lại là 12 triệu $ và 2,10 triệu $.
- Thiếu vốn IDA và vốn đối ứng cho giai đoạn 2019-2020 là 3,91 triệu $ và 3,56 triệu $.

4. Các phát hiện chính về kỹ thuật:

- **Xây dựng cầu Nậm Cắt và đường dẫn 2 bên đầu cầu**: Vị trí xung đột về hạ tầng kỹ thuật (cáp điện cắt ngang và nằm trên đáy của cửa xả nước mưa).

- **Đường Tây Minh Khai :** Mạch ngừng thi công rãnh thoát nước dọc chưa được kín khít; Vị trí đã rải cấp phối đá dăm loại 2 nhưng do trời mưa, có phương

tiện vận chuyển vật liệu đi lại kéo theo đất bẩn xung quanh vào bề mặt lớp cấp phối đá dăm loại 2 này.

5. An toàn môi trường

5.1 Hồ sơ môi trường: Ban quản lý đã bố trí cán bộ có chuyên môn quản lý môi trường; hồ sơ bao gồm: Báo cáo ĐTM, Báo cáo EMP, Hợp đồng quan trắc môi trường, báo cáo quan trắc môi trường từng quý.

Báo cáo Giám sát Thi công hàng tháng có nội dung môi trường và an toàn nhưng chưa chi tiết.

Những vấn đề môi trường, sức khỏe và an toàn trong báo cáo giám sát hàng tháng của TVGS được lặp đi lặp lại giữa các tháng thi công khác nhau, đối với các hạng mục công việc khác nhau là chưa phù hợp.

5.2 Công tác giám sát môi trường trên công trường:

Khu vực cầu Nậm Cắt Các điểm trọng yếu, nguy hiểm được nhà thầu cảnh báo

HM đường Tây Minh Khai: Chưa có giải pháp thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các vị trí tiếp giáp nhà dân có chênh cao độ lớn giữa nhà dân với nền đường

 Có biển thông tin công trình (HM đường Tây Minh Khai)	 Có biển nội quy công trường xây dựng (HM đường Tây Minh Khai)

 Chưa có giải pháp thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các vị trí tiếp giáp nhà dân có chênh cao độ lớn giữa nhà dân với nền đường (HM đường Tây Minh Khai)	 Các điểm trọng yếu, nguy hiểm được nhà thầu cảnh báo (HM cầu Nặm Cắt)

6. Đề xuất Điều chỉnh Tiểu dự án

Các HMĐT đề xuất thay đổi đã được Đã được thay thế bằng 03 HM khác, (UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án tại Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 và trình Bộ Xây dựng cập nhật Văn kiện Chương trình. UBND thành phố đã phê duyệt chi phí tư vấn cho các hạng mục thay đổi tại Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 18/11/2019; Đến nay đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và trao hợp đồng tư vấn trong QuýI/2020.)

II. THÀNH PHỐ CAO BẰNG

1. Bản đồ và Dữ liệu Chính

Thành phố Cao Bằng: 10 tiểu dự án, 32,05 triệu $ (IDA: 28,61 Vốn đối ứng: 3,44)					
Giai đoạn 1 (2015-2016) **3 tiểu dự án**			**Giai đoạn 2 (2017-2020)** **7 tiểu dự án**		
IDA	**VĐƯ**	**Tổng số**	**IDA**	**VĐƯ**	**Tổng số**
11,03	0,88	11,91	17,58	2,56	20,13
92.61%	7.39%	100%	87.31%	12.69%	100%

- Tổng số 10 tiểu dự án. 8 đã hoàn thành đến tháng 6 năm 2020: 1 hoàn thành năm 2015 nhưng chưa đạt và được xác minh lại trong đợt XMKQ lần 2 năm 2018 (đã đạt KQXM); 2 hoàn thành và được xác minh cho 2016; 1 hoàn thành và được xác minh năm 2017. 3 hoàn thành và được xác minh năm 2018. 2 còn lại cho giai đoạn 2018-2020: 1 dự kiến hoàn thành 2019 (đã hoàn thành sớm năm 2018); 1 dự kiến hoàn thành năm 2020. 1 tiểu dự án (khu tái định cư) Không thấy đề cập trong KHNC năm 2020. Tất cả các tiểu dự án còn lại đã được đấu thầu. (còn 02 gói thầu về Cây xanh và điện chiếu sáng của HM Kè Sông bằng chưa đấu thầu).
- Dự toán tổng chi phí các công trình của tất cả các tiểu dự án là 32,1 triệu $. Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án đã hoàn thành đến tháng 4 năm 2018 là 10,75triệu $ (33.5% tổng dự toán chi phí), và giá trị hợp đồng thực tế là 10,71 triệu $. Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án còn lại là 21,35 triệu $ (66,5% tổng dự toán chi phí).

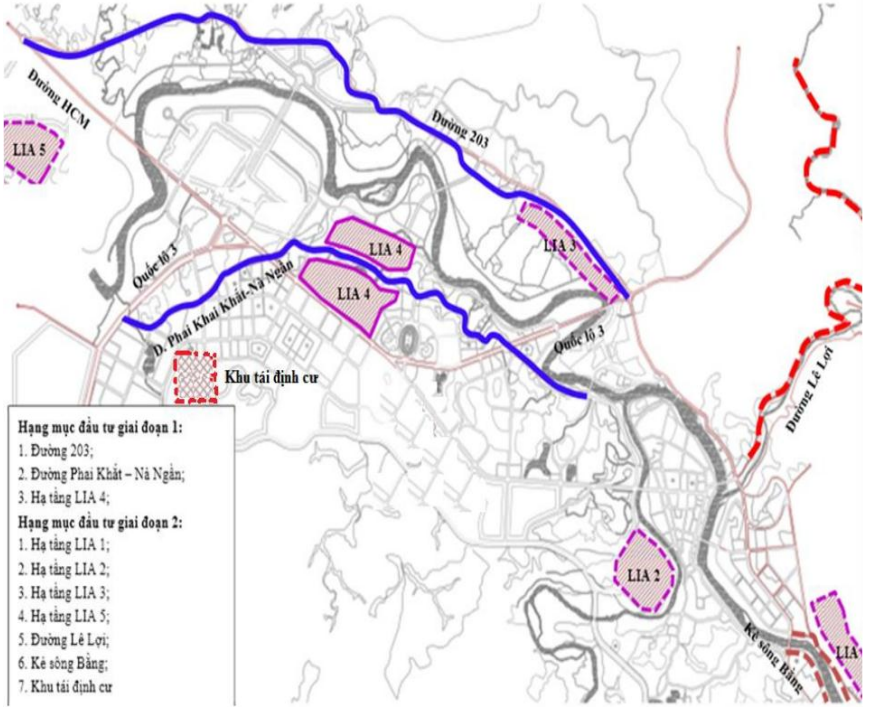

2. Tiến độ chi tiết

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
GIAI ĐOẠN 1	**2015**	**1**	**4,171,811**		**4,300,195**		
	1	Cải tạo LIA 4	717,896	**Hoàn thành**	846,280		Không đạt khi xác minh (Đã XM lại vào đợt 2 năm 2018 – Đạt

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
							KQXM).
	2	Đường Phay Khat - Na Ngan	3,453,914	Chuyển tiếp	3,453,914		Hoàn thành năm 2016
	2016	**1**	**5,651,619**		**5,651,619**		
	3	Đường 203	5,651,619	**Hoàn thành**	5,651,619		
	2	Đường Phay Khat - Na Ngan		**Hoàn thành**			
	2017	**1**			**2,435,732**		
GIAI ĐOẠN 2	4	Cải tạo LIA 1	209,496	Chuyển tiếp			
	5	Cải tạo LIA 3	446,190	Chuyển tiếp	424,350		
	6	Cải tạo LIA 5	1,384,167	**Hoàn thành**	1,374,673		
	7	Cải tạo LIA 2	519,217	Chuyển tiếp	438,427		
	2018	**2**	**1,174,903**		**1,061,059**		
		Cải tạo LIA 1		**Hoàn thành**			
		Cải tạo LIA 3		**Hoàn thành**			
		Cải tạo LIA 2		**Hoàn thành**			
	2019		**1,818,708**		**1,775,719**		
	8	Cải tạo Đường Lê Lợi	1,818,708	**Hoàn thành**	1,775,719		HT năm 2018
	2020		**18,449,007**		**8,571,579**		
	9	Kè Sông Bằng	14,186,207	Đang thực hiện	8,571,579		Gói 1: 100% *Gói 2: 81%* *Gói 3: 15%* *Gói 4: 20%* *Còn 02 gói thầu về Cây xanh và điện chiếu sáng chưa đấu thầu.*
	10	Khu tái định cư	4,262,800	Thay đổi			Không đề cập trong KHNC năm 2020
Tổng số		**10 (8 HT-1 Đang thực hiện-1-không đưa vào KHNC 2020)**	**32,650,214**		**22,734,844**		

Năm	Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí đồng	Hợp	Bắt đầu	Lưu ý
Chú thích: Nhìn chung, Cao Bằng có 10 tiểu dự án, 3 tiểu dự án trong Giai đoạn 1, tất cả đã hoàn thành; 7 tiểu dự án trong Giai đoạn 2, 1 hoàn thành năm 2017, 4 hoàn thành năm 2018 (3 HM hoàn thành theo đúng kế hoạch và 1 hoàn thành đăng ký hoàn thành 2019 đã hoàn thành trước kế hoạch), 1 đang thực hiện, 1 không đưa vào KHNC 2020 là HM Khu tái định cư..						

3. Thiếu hụt vốn và phân bổ vốn trung hạn MTIP

- Hiện tại, vốn IDA và vốn đối ứng theo QĐ số 303 và QĐ 1746 về điều chỉnh MTIP (2016-2020) là 22,34 triệu $ và 3,33 triệu $.
- Vốn IDA và vốn đối ứng sẵn có còn lại theo MTIP là 7,56 triệu $ và 0,08 triệu $.
- Thiếu vốn IDA và vốn đối ứng phê duyệt trong MTIP cho giai đoạn 2018-2020 là 6,27 triệu $ và 0.

4. Phát hiện chính về kỹ thuật

Về tổng thể, công tác quản lý chất lượng xây dựng các HMĐT tại Cao Bằng cơ bản được thực hiện và duy trì tốt. Việc áp dụng các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

5. An toàn môi trường

5.1 Hồ sơ môi trường:

Ban quản lý đã bố trí cán bộ có chuyên môn quản lý môi trường thực hiện đầy đủ, công tác lưu trữ hồ sơ tốt. Bao gồm:

- Có Báo cáo ĐTM, Báo cáo EMP.
- Có hợp đồng quan trắc môi trường, báo cáo quan trắc môi trường từng quý. Báo cáo môi trường hàng tuần và hàng tháng đã được chuẩn bị có nội dung tốt và gửi một cách có hệ thống và có thể cải thiện hơn nếu có thêm hình ảnh minh họa
- BQLDA đã tuân thủ hướng dẫn tại POM khi tích hợp ECOPs và Bộ Quy tắc Đạo đức vào các tài liệu phù hợp như hồ sơ mời thầu và ĐKTC Tư vấn giám sát.
- Việc giám sát và báo cáo chất lượng môi trường đã tuân thủ quy định của Việt Nam và được nộp cho Sở TNMT.
- Các biện pháp giảm thiểu đã được Thành phố tiếp tục tuân thủ. Thực địa tại hiện trường cho thấy công trường gọn gàng, sạch sẽ; trong các lán trại đã trang bị đầy đủ tủ thuốc y tế

5.2 Công tác giám sát môi trường trên công trường:

- Các hoạt động môi trường được thực hiện: Các công tác liên quan đến môi trường đối với hạng mục thi công đều được các nhà thầu thực hiện cơ bản nghiêm túc và đầy đủ.
- Đối với các hạng mục đã ký hợp đồng, các nội dung liên quan đến môi trường và an toàn lao động đều được đưa vào hồ sơ mời thầu và Hợp đồng.

6. Đề xuất thay đổi tiểu dự án:

III. THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Bản đồ và Dữ liệu Chính

Thành phố Điện Biên Phủ: 9 tiểu dự án, 30,76 triệu $ (IDA: 25,56 Vốn đối ứng: 5,2)					
Giai đoạn 1 (2015-2016) 3 tiểu dự án			**Giai đoạn 2(2017-2020) 6 tiểu dự án**		
IDA	**VĐƯ**	**Tổng số**	**IDA**	**VĐƯ**	**Tổng số**
6,82	**1,41**	**8,23**	**18,74**	**4,11**	**21,92**
82.15%	**17.15%**	**100%**	**82.03%**	**17.97%**	**100%**

• **Tổng số 9 tiểu dự án chia thành 13 hạng mục:** 7 đã hoàn thành đến 6/2020, gồm 1 được xác minh năm 2015, 1 được xác minh năm 2016 và 4 được xác minh năm 2017 (trong đó chỉ có 1 hạng mục đạt, 03 HM được xác minh lại trong đợt XMKQ lần 2 năm 2018 - đã đạt KQXM); 7 còn lại cho giai đoạn 2019-2020: 1 hoàn thành năm 2019 (01 HM đã không hoàn thành và chuyển tiếp sang 2020); năm 2020 đăng ký hoàn thành 06HM (01 chuyển tiếp năm 2019); Tất cả các hạng mục còn lại đã được đấu thầu.

• **Dự toán tổng chi phí các công trình của tất cả các tiểu dự án là 20,8 triệu $.**

Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án đã hoàn thành đến 4/2019 là 7.8 triệu $

(38% tổng dự toán chi phí), và giá trị hợp đồng thực tế là 6,7 triệu $. Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án còn lại là 12.9 triệu $ (62% tổng dự toán chi phí

Bản đồ các tiểu dự án

2. Tiến độ Chi tiết

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
GIAI ĐOẠN 1	**2015**	**1**	**1,153,514**		**630,816**		
	1	Cải tạo LIA 1	1,153,514	**Hoàn thành**	630,816		
	2016	**2**	**4,173,199**		**3,849,898**		
	2	Suối C13	2,480,894	**Chuyển tiếp**	2,248,998		
	3	Cầu vào xã Thanh Minh	1,692,304	**Hoàn thành**	1,600,900		
GIAI ĐOẠN 2	**2017**	**3**	**1,386,880**		**1,177,652**		
	4	LIA 2		**Hoàn thành**			Không đạt khi xác minh (Đã XM lại vào đợt 2 năm 2018 – Đạt KQXM).
		LIA 4		**Hoàn thành**			
		LIA 5	1,386,880	**Hoàn thành**	1,177,652		

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
		Suối C13		**Hoàn thành**			
	2018		**1,924,646**		**1,778,213**		
	5	Khu tái định cư Him Lam	1,924,646	Chuyển tiếp	1,778,213		
	2019		**10,000,312**		**8,734,094**		
	6	Trường tiểu học Thanh Minh		Chuyển tiếp	1,537,852		28%.
		Trường mầm non Thanh Trường		Chuyển tiếp	493,49		70%
		Nhà văn hóa	2,712,167	Chuyển tiếp	292,331		Nhà VH Nong Bua 100% Nhà VN Nam thành 80% Nhà VN Nong Chứn: chưa triển khai
	7	Hồ điều hòa	2,048,811	Chuyển tiếp	2,721,493	2018	82%.
	8	Suối Hồng Lựu	5,239,334	Hoàn thành	4,474,748	2018	100%
	2020		**2,162,243**		**2,268,015**		
	9	Đường từ cầu A1 đến cầu C4	2,162,243	Đang thực hiện	2,268,015	2018	20%
	5	Khu tái định cư Him Lam		Đang thực hiện			1,5% Tạm dừng TC do vướng GPMB và đang ĐCTK
	7	Hồ điều hòa	2,048,811	Chuyển tiếp	2,721,493	2018	84%.
	6	Trường tiểu học Thanh Minh		Đang thực hiện		2018	40%
		Trường mầm non Thanh Trường		Đang thực hiện		2018	85,7%

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
		Các Nhà văn hóa		Đang thực hiện		2018	02 NVH đạt 100%, 01 NVH đang chuẩn bị thi công san nền
		9 (5 hoàn thành-4đang t/h)	**20,800,793**		**18,438,687**		
Chú thích: Nhìn chung, Điện Biên Phủ có 9 tiểu dự án chia thành 13 hạng mục, 3 tiểu dự án trong Giai đoạn 1, tất cả đã hoàn thành; 6 tiểu dự án trong Giai đoạn 2, 2 hoàn thành năm 2017;4 đang thực hiện;							

3. Thiếu hụt phân bổ và vốn trong MTIP

- Hiện tại, vốn IDA và vốn đối ứng theo Quyết định 303 điều chỉnh MTIP (2016-2020) là $22.26 triệu $ và 2.84 triệu $
- Vốn IDA và vốn đối ứng sẵn có còn lại theo MTIP là 3,66 triệu $ và 1,41 triệu $.
- Thiếu vốn IDA và vốn đối ứng phê duyệt trong MTIP cho giai đoạn 2019-2020 là 0 triệu $ và 0 triệu $

4. Các vấn đề về kỹ thuật

Về tổng thể, công tác quản lý chất lượng xây dựng các HMĐT tại Điện Biên Phủ cơ bản được thực hiện và duy trì tốt. Việc áp dụng các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

5. Các vấn đề An toàn Môi trường

a. Hồ sơ môi trường:

Về tổng thể, công tác quản lý môi trường tại thành phố cơ bản tuân thủ đầy đủ các biện pháp về an toàn môi trường và đáp ứng các yêu cầu của POM. Chưa ghi nhận sự cố môi trường đáng kể nào tại Thành phố

Ban QLDA đã bố trí cán bộ chuyên trách vấn đề an toàn môi trường.

b. Công tác giám sát môi trường trên công trường:

Công nhân trên công trường chưa thực hiện tuân thủ đầy đủ bảo hộ lao động; Chưa có biện pháp bảo vệ tràn đổ vật liệu xuống sông Nậm Rốm; Chưa trang bị bình PCCC khu vực lán trại và kho chứa vật liệu; Chưa có hàng rào cách ly với các hộ dân hiện chưa di dời GPMB đang sống trong khu vực công trường, cũng như cách ly khu dân hiện hữu.

 Công nhân trên công trường chưa thực hiện tuân thủ đầy đủ bảo hộ lao động.	 Chưa có biện pháp bảo vệ tràn đổ vật liệu xuống sông Nậm Rốm
 Chưa trang bị bình PCCC khu vực lán trại và kho chứa vật liệu	 Chưa có hàng rào cách ly với các hộ dân hiện chưa di dời GPMB đang sống trong khu vực công trường, cũng như cách ly khu dân hiện hữu

6. Đề xuất thay đổi tiểu dự án:

UBND tỉnh Điện Biên đã có văn bản số 268/UBND-TH ngày 30/01/2019 gửi Bộ Xây dựng về việc đề nghị bổ sung hạng mục mới vào danh sách đầu tư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – thành phố Điện Biên Phủ. Các hạng mục đầu tư được đề xuất bổ sung tại thành phố Điện Biên Phủ bao gồm: (i) Cải tạo, nâng cấp các khu LIA 3, 6, 7, 8 và (ii) Cải tạo, nâng cấp hạ tầng đường giao thông nội thị thành phố Điện Biên Phủ. Tổng mức đầu tư bổ sung dự kiến khoảng 480 tỷ, trong đó, thành phố đề xuất sử dụng 2 nguồn vốn gồm: (i) 101,254 tỷ đồng từ nguồn vốn phân bổ cho Chương trình đã được phê duyệt (phần chi phí dự phòng chưa sử dụng và kinh phí tiết kiệm được qua đấu thầu của Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – tiểu dự án thành phố Điện Biên Phủ) và (ii) 378,440 tỷ đồng từ nguồn vốn dự phòng của dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc" vốn vay Ngân hàng thế giới hiện nay chưa phân bổ cho các thành phố tham gia Chương trình.

Dự kiến, việc bổ sung thực hiện các hạng mục mới sẽ yêu cầu phải gia hạn thời gian thực hiện Chương trình tại Điện Biên Phủ.

IV. THÀNH PHỐ HÒA BÌNH

1. Bản đồ và dữ liệu chính

Thành phố Hòa Bình: 8 tiểu dự án, 32,53 triệu $ (IDA: 29,79, Vốn đối ứng: 2,74)					
Giai đoạn 1 (2015-2016) **6 tiểu dự án**			**Giai đoạn 2(2017-2020)** **2 tiểu dự án**		
IDA	**VĐƯ**	**Tổng số**	**IDA**	**VĐƯ**	**Tổng số**
7,74	**1,05**	**8,80**	**22,05**	**1,69**	**23,73**
88%	**12%**	**100%**	**93%**	**7%**	**100%**

- **Tổng số 8 tiểu dự án;** 06 hoàn thành đến tháng 6 năm 2020: 01 hoàn thành và được xác minh năm 2015; 1 hoàn thành và được xác minh năm 2017; 4 đã hoàn thành năm 2018 nhưng XMKQ không đạt, 2 dự kiến hoàn thành năm 2019 nhưng chưa hoàn thành và chuyển tiếp sang 2020. Cả 8 tiểu dự án đã được trao thầu.
- **Dự toán tổng chi phí các công trình của tất cả các tiểu dự án là 28,47 triệu $.** Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án đã hoàn thành đến tháng 11 năm 2018 là 12,99 triệu $ (46% tổng dự toán chi phí), và giá trị hợp đồng thực tế là 11,24 triệu $. Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án còn lại là 15,48 triệu $ (54% tổng dự toán chi phí

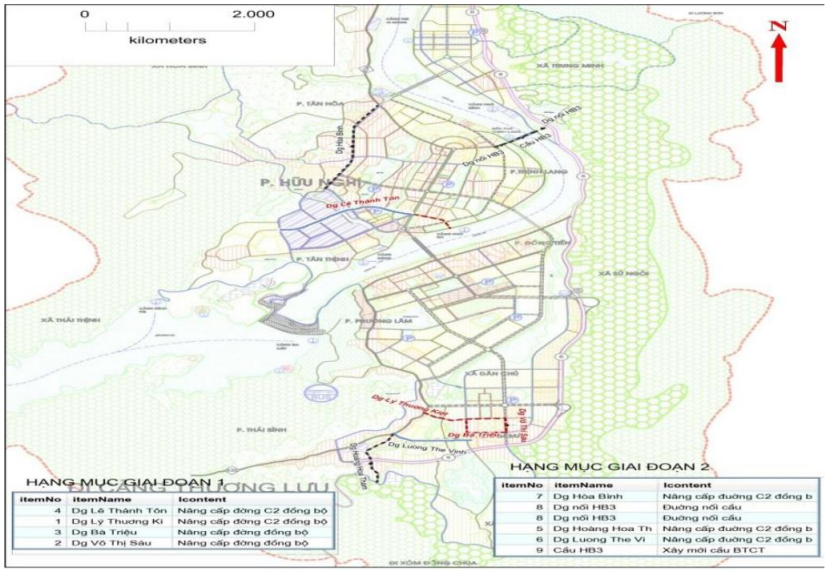

Bản đồ các tiểu dự án

2. Tiến độ chi tiết

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
	2015	**1**	**76,423**	**1**	**80,413**		
GIAI ĐOẠN 1	1	Đường Lương Thế Vinh	76,423	**Hoàn thành**	80,413	2015	
	2016	**1**	**7,234,479**	**0**	**4,714,084**		
	2	Đường Hoàng Hoa Thám	1,215,819	Chuyển tiếp	438,214		
	3	Đường Lý Thường Kiệt	1,441,748	Chuyển tiếp	1,148,870		

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
	4	Đường Võ Thị Sáu	242,273	Chuyển tiếp	266,946		Hoàn thành trong năm 2018
	5	Đường Bà Triệu	506,858	Chuyển tiếp	361,081		
	6	Đường Lê Thánh Tông	3,827,781	Chuyển tiếp	2,498,973		Hoàn thành trong năm 2017 (Không nằm trong KHNC 2017)
GIAI ĐOẠN 2	**2017**	**2**					
		Đường Hoàng Hoa Thám		Chuyển tiếp			
		Đường Lý Thường Kiệt		Chuyển tiếp			
		Đường Bà Triệu		Chuyển tiếp			
		Đường Lê Thánh Tông		**Hoàn thành**			
	2018	**1**					
		Đường Hoàng Hoa Thám		**Hoàn thành**			XMKQ không đạt do Đường Lý Thường Kiệt không đạt.
		Đường Lý Thường Kiệt		**Hoàn thành**			XMKQ không đạt
		Đường Bà Triệu		**Hoàn thành**			XMKQ không đạt do Đường Lý Thường Kiệt không đạt.
		Đường Võ Thị Sáu		**Hoàn thành**			XMKQ không đạt do Đường Lý Thường Kiệt không đạt.
	2019		**21,157,121**		**19,603,113**		
	7	Cầu Hòa Bình 3	18,413,111	Đang thực hiện	17,410,898		100%, Hiện đang hoàn thiện hồ sơ hoàn công chuẩn bị nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng.
		Đường dẫn Cầu Hòa Bình 3		Đang thực hiện			
	8	Đường Hòa Bình	2,744,010	Đang thực hiện	2,192,215		35%,. Bổ sung thêm gói thầu hạ tầng (chưa đấu thầu)
	2020						

Năm	Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
Tổng số	**8 (6 hoàn thành-2 đang t/h)**	**28,468,024**		**24,397,609**		**04 HM không đạt XMKQ**
Chú thích: Nhìn chung, Hòa Bình có 8 tiểu dự án, 6 tiểu dự án trong Giai đoạn 1, 6 đã hoàn thành; 2 tiểu dự án trong Giai đoạn 2, 2 đang thực hiện. Dự kiến bổ sung 1 gói thầu hạ tầng Đường Hòa Bình: chưa có kế hoạch đấu thầu;						

3. Thiếu hụt phân bổ và vốn trong MTIP

- Hiện tại, vốn IDA và vốn đối ứng theo Quyết định 303 và QĐ 1746 điều chỉnh MTIP (2016-2020) là 26,58 triệu $ và 0,77 triệu $.
- Vốn IDA và vốn đối ứng sẵn có còn lại theo MTIP là 12,73 triệu $ và 0.
- Thiếu vốn IDA và vốn đối ứng phê duyệt trong MTIP cho giai đoạn 2019-2020 là 3,66 triệu $ và 1,05 triệu $.
- Hòa Bình thiếu vốn IDA và vốn đối ứng. Thành phố đã thông báo và chờ Bộ KHĐT phân bổ thêm vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

4. Các vấn đề kỹ thuật chính

- Về tổng thể, công tác quản lý chất lượng xây dựng các HMĐT tại Hoà Bình cơ bản được thực hiện và duy trì tốt. Việc áp dụng các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành
- HM đường Hòa Bình: Qua quan sát tại hiện trường vật liệu tại chỗ là đất có hàm lượng sét lớn nên công tác xáo xới lu lèn nền đường bằng vật liệu tại chỗ liệu khó đảm bảo độ chặt K98.

5. Phát hiện chính về an toàn môi trường

5.1 *Hồ sơ môi trường:*

Ban QLDA và nhà thầu thi công cầu Hòa Bình 3 đã lưu trữ tốt các loại hồ sơ an toàn môi trường và lao động, bao gồm:

Hồ sơ an toàn môi trường và lao động

Báo cáo tháng về an toàn môi trường: chất lượng báo cáo đã được cải thiện sát với thực tế thi công. Đánh giá chi tiết, có hình ảnh minh họa.

5.*2 Công tác giám sát môi trường trên công trường:*

- Đối với hạng mục cầu Hòa Bình 3: nhà thầu đáp ứng tốt các biện pháp an toàn môi trường lao động cho công nhân từ trên bộ và dưới mặt nước.

Về tổng thể, công tác quản lý môi trường tại thành phố cơ bản tuân thủ đầy đủ các biện pháp về an toàn môi trường và đáp ứng các yêu cầu của POM. Chưa ghi nhận sự cố môi trường đáng kể nào tại Thành phố.

- Đối với hạng mục nâng cấp, cải tạo đường Hòa Bình: Việc tập kết vật liệu đắp (đá thải) trên đường, hiện trạng gây cản trở phương tiện lưu thông trên đường Hoà Bình. Công tác đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình triển khai thi công xây dựng trong mùa mưa được thực hiện chưa tốt.

V. THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

1. Bản đồ và Dữ liệu Chính

Thành phố Thái Nguyên: 12 tiểu dự án, 78,69 triệu $ (IDA: 59,54, Vốn đối ứng: 19,2)					
Giai đoạn 1 (2015-2016) 5 tiểu dự án			Giai đoạn 2 (2017-2020) 7 tiểu dự án		
IDA	VĐƯ	Tổng số	IDA	VĐƯ	Tổng số
12,76	7,81	20,57	46,78	11,35	58,13
62%	38%	100%	80%	20%	100%

- **Tổng số 12 tiểu dự án:** 11 đã hoàn thành đến tháng 3 năm 2020: 2 hoàn thành 2015 (đạt xác minh lại trong đợt XMKQ lần 2 năm 2018); 3 hoàn thành và được xác minh năm 2016; 1 hoàn thành và được xác minh năm 2017; 3 hoàn thành và được xác minh năm 2018; 1 hoàn thành và được xác minh năm 2019, năm 2020 đăng ký hoàn thành 02 HM: đã hoàn thành 1HM vào QI/2020, còn 1HM còn 01 gói thầu đang tổ chức công tác lựa chọn nhà thầu, dự kiến triển khai thi công trong quý II/2020, thời gian thực hiện dự kiến 18 tháng.
- **Dự toán tổng chi phí các công trình của tất cả các tiểu dự án là 58,79 triệu $.** Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án đã hoàn thành đến tháng 4 năm 2018 là 29,26 triệu $ (49,77% tổng dự toán chi phí), và giá trị hợp đồng thực tế là 19,72 triệu $. Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án còn lại là 29,53 triệu $ (50,23% tổng dự toán chi phí).

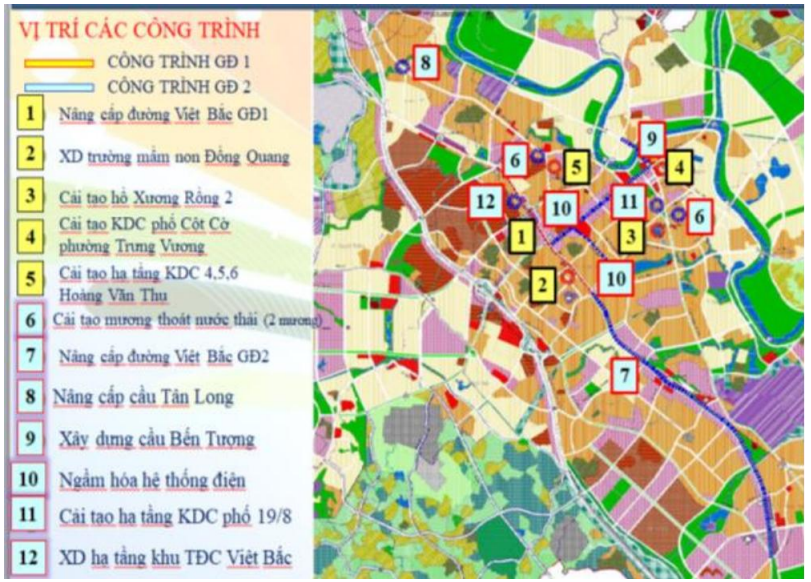

Bản đồ các tiểu dự án

2. Tiến độ Chi tiết

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí đồng Hợp	Bắt đầu	Lưu ý
	2015	**2**			**228,601**		
GIAI ĐOẠN 1	1	Cải tạo Khu Định cư phố Cột Cờ, P. Trưng Vương	169,057	**Hoàn thành**	147,858	2015	Không đạt khi xác minh (Đã

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
							XM lại vào đợt 2 năm 2018 – Đạt KQXM).
	2	Cải tạo hạ tầng KĐC 5, phường Hoàng Văn Thụ	92,322	**Hoàn thành**	80,743	2015	
	2016	**3**	**12,823,951**		**7,163,082**		
	3	Đường Việt Bắc (giai đoạn 1)	9,127,372	**Hoàn thành**	4,776,788	2015	
	4	Hồ Xương Rồng	2,286,987	**Hoàn thành**	1,062,387	2015	
	5	Trường mầm non Đồng Quang	1,409,593	**Hoàn thành**	1,323,907	2015	
GIAI ĐOẠN 2	**2017**	**1**	**446,468**		**139,262**		
	6	Cải tạo hạ tầng đường 19/8, Phường Trưng Vương	446,468	**Hoàn thành**	139,262	2016	
	2018	**2**	**15,723,167**		**12,194,041**		
	7	Khu tái định cư Việt Bắc	4,791,039	**Hoàn thành**	3,357,175	2016	
	8	Cầu Tân Long	3,190,567	**Hoàn thành**	2,701,300	2016	
	9	Cải tạo một số kênh thoát nước thải	1,007,705	**Hoàn thành**	641,979	2016	
	10	Lắp đặt cáp ngầm tại một số tuyến phố chính	6,733,856	**Chuyển tiếp**	5,493,587	2017	
	2019		**29,532,511**		**17,934,087**		
	11	Cầu Bến Tượng	17,177,830	**Hoàn thành**	13,877,750	2016	
	12	Đường Việt Bắc (giai đoạn 2)	12,354,681	Đang thực hiện, chuyển tiếp 2020	4,056,337	2017	
	2020						
	12	Đường Việt Bắc (giai đoạn 2)	12,354,681	Đang thực hiện, chuyển tiếp 2020	4,056,337	2017	Gói 03B : 60% Gói 03A1 : 10% Gói 03A2 : Đang GPMB
	10	Lắp đặt cáp ngầm tại một số tuyến phố chính	6,733,856	**Hoàn thành**	5,493,587	2017	Đã hoàn thành trong

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
							quý I/2020. Đã được kiểm toán chất lượng tháng 6/2020.
Tổng số		**12 (11 hoàn thành-01đang TH)**			**38,982,980**		

Chú thích: Nhìn chung, Thái Nguyên có 12 tiểu dự án, 5 tiểu dự án trong Giai đoạn 1, 5 đã hoàn thành; 7 tiểu dự án trong Giai đoạn 2: 1 hoàn thành năm 2017, 3 hoàn thành năm 2018; 1 đã hoàn thành và bàn giao trong quý 2/2019; 01 HM hoàn thành Quý I năm 2020; chỉ còn 01 HM đang thực hiện

3. Thiếu hụt phân bổ và vốn trong MTIP

- Hiện tại, vốn IDA và vốn đối ứng theo QĐ 303 và QĐ 1746 phê duyệt bổ sung vốn MTIP (2016-2020) là 49,34 triệu $ và 16,97triệu $.
- Vốn IDA và vốn đối ứng sẵn có còn lại theo MTIP là 23,73 triệu $ và 0 triệu $.
- Thiếu vốn IDA và vốn đối ứng cho giai đoạn 2019-2020 là 10,2 triệu $ và 4,16 triệu $.

4. Các vấn đề kỹ thuật chính

Về tổng thể, công tác quản lý chất lượng xây dựng các HMĐT tại Thái Nguyên cơ bản được thực hiện và duy trì tốt. Việc áp dụng các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Hồ sơ quản lý chất lượng đầy đủ các thành phần theo quy định và tương đối tốt.

- Gói thầu XL-03A1: Cần có giải pháp tăng cường thoát nước hợp lý khu vực nền đường đắp, hạn chế tác động của việc ứ đọng nước mưa ảnh hưởng đến chất lượng nền đường đất đắp K95 đã thi công;

5. An toàn môi trường

a. ***Hồ sơ môi trường:***

Về tổng thể, công tác quản lý môi trường tại thành phố cơ bản tuân thủ đầy đủ các biện pháp về an toàn môi trường và đáp ứng các yêu cầu của POM. Chưa ghi nhận sự cố môi trường đáng kể nào tại Thành phố.

Ban QLDA đã bố trí cán bộ chuyên trách có chuyên môn phù hợp.

Các hồ sơ an toàn môi trường, lao động, hồ sơ máy móc, thiết bị thi công được chuẩn bị và lưu trữ đầy đủ.

6. Đề xuất bổ sung tiểu dự án:

VI. THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG

1. Bản đồ và dữ liệu chính

Thành phố Tuyên Quang: 16 tiểu dự án, 40,16 triệu $ (IDA: 32, Vốn đối ứng: 8,16)					
Giai đoạn 1 (2015-2016) 5 tiểu dự án			Giai đoạn 1 (2015-2016) 5 tiểu dự án		
IDA	IDA	IDA	IDA	IDA	IDA
6.51	1.42	7.94	25.49	6.73	32.22
82%	18%	100%	80%	20%	100%

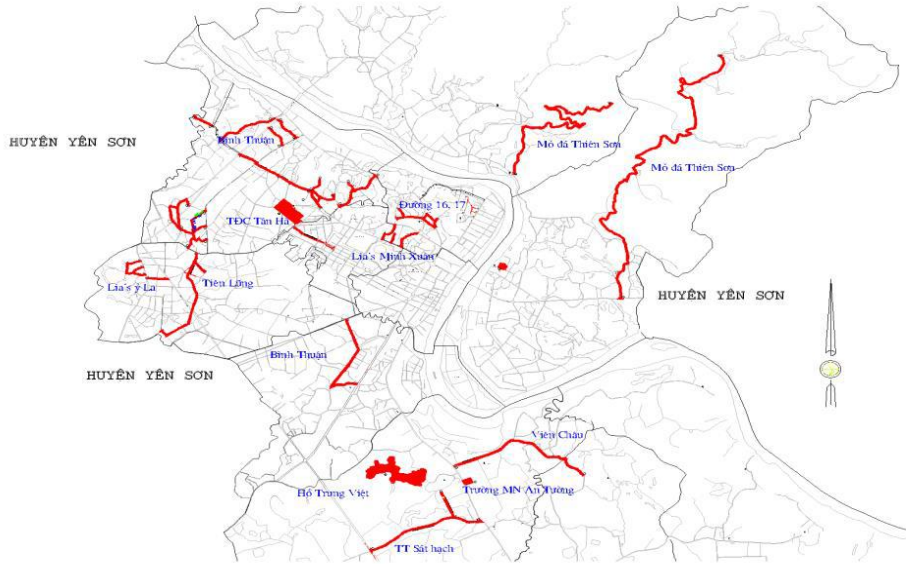

- **Tổng số 16 tiểu dự án**: 9 hoàn thành đến tháng 6/2020: 1 hoàn thành và được xác minh năm 2015, 4 hoàn thành và được xác minh năm 2016, 1 hoàn thành và đã được xác minh năm 2017; 2 hoàn thành năm 2018, 1 hoàn thành năm 2019 ; 6 dự kiến hoàn thành năm 2020. Trong số 7 tiểu dự án còn lại, 1 TDA đang thực hiện và 6 TDA (số 9, 10, 13, 14, 15, 16) chưa được đấu thầu (trong đó, 1 đề xuất thay đổi hạng mục số 16).
- **Tổng dự toán chi phí các tiểu dự án là 32 triệu $.**

  Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án đã hoàn thành đến tháng 4/2019 là 12,85 triệu $ (40% tổng dự toán chi phí), và giá trị hợp đồng thực tế là 10,15 triệu $. Dự toán chi phí của các tiểu dự án còn lại là 19,15 triệu $ (60% tổng dự toán chi phí).

2. Tiến độ chi tiết

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
	2015	**1**					
GIAI ĐOẠN 1	1	LIA 2	772,867	**Hoàn thành**	695,627		
	2016	**4**	**5,326,523**		**4,701,496**		
	2	Đường Lê Duẩn	2,587,765	**Hoàn thành**		2015	
	3	Đoạn Đường 1 tới Viên Châu		**Hoàn thành**	2,221,229	2015	

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
	4	Trường mầm non Nông Tiến	2,738,758	**Hoàn thành**	2,480,267	2015	thay thế Trường mầm non Hung Thanh
	5	Trường mầm non An Tường		**Hoàn thành**			
	2017	**1**					
GIAI ĐOẠN 2	6	Khu tái định cư Tân Hà	2,521,666	**Hoàn thành**	958,035	2016	
	2018	**2**	**5,668,951**		**2,061,849**		
	7	Cụm 16, 17- Đường Chu Văn An	561,104		515,907	2016	10%
	8	LIA 3		**Hoàn thành**		2016	
	9	Đường Tiên Lững, Ý La	1,160,422	Chưa có KHĐT	-	2017	thay thế đường Tôn Đức Thắng
	10	Đường QL 37 tới Đường Lê Lợi.	2,152,506	Chưa có KHĐT	-		
	2019		**7,682,261**				
	11	Đoạn Đường 2 tới Viên Châu	2,438,071	**Hoàn thành**	2,248,905	2016	Hoàn thành sớm năm 2018
	12	Hồ Trung Việt	5,244,191	Chuyển tiếp		2016	90% Đang tạm dừng thi công
		Cụm 16, 17- Đường Chu Văn An		**Hoàn thành**		2018	100% Theo báo cáo năm 2019 của Ban QLDA TP.
	2020		**10,035,122**		**-**		
	13	Đường Phan Thiết-17/8, phường Phan Thiết.	642,287	Chưa có KHĐT			
	14	LIA 1	2,521,666	Chưa có KHĐT			
	15	Đường thôn Dùm – Đền Cam, Trảng Đà	6,514,252	Chưa có KHĐT			
	16	Đường từ trung tâm thành phố đến sông Lô 7	356,917	Chưa có KHĐT			Dự kiến sẽ được thay thế bằng đường Nguyễn Chí Thanh.
	9	Đường Tiên Lững, Ý La		Chưa có KHĐT			
	10	Đường QL 37 tới Đường Lê Lợi.		Chưa có KHĐT			

Năm		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
	12	Hồ Trung Việt	5,244,191	Đang thực hiện		2016	95% Đang thi công các nội dung phát sinh, bổ sung.
Tổng số		**16 (8 h.thành-2 đang TH-5 Chưa có KHĐT-1 thay đổi)**	**32,007,389**		**10,665,912**		
Ghi chú: Tổng thể, Tuyên quang có 16 TDA: 5 TDA giai đoạn 1 đã hoàn thành toàn bộ; 11 TDA giai đoạn 2: 1 đã hoàn thành 2017, 2 đã hoàn thành 2018,1 hoàn thành 2019, 1 đang thực hiện; 6 TDA còn lại chưa có KHĐT(trong đó 1 đang thay đổi).							

3. Thiếu hụt vốn và phân bổ vốn trong MTIP

- Hiện tại, vốn IDA và vốn đối ứng theo Quyết định 303 và QĐ 1746 điều chỉnh vốn MTIP (2016-2020) là 29,50 triệu $ và 3,33triệu $.
- Vốn IDA và vốn đối ứng sẵn có còn lại là 15,54 triệu $ và 0,26 triệu $.
- Thiếu vốn IDA và vốn đối ứng cho giai đoạn 2019-2020 là 2,50 triệu $ và 5,32 triệu $.

4. Phát hiện chính về kỹ thuật:

HM Hạng mục Nâng cấp, cải tạo hồ Trung Việt: Hạng mục đang tạm dừng thi công, trực quan cho thấy chưa có các vấn đề đáng quan ngại về chất lượng thi công công trình.

5. An toàn môi trường

Về tổng thể, công tác quản lý môi trường tại thành phố cơ bản tuân thủ đầy đủ các biện pháp về an toàn môi trường và đáp ứng các yêu cầu của POM. Chưa ghi nhận sự cố môi trường đáng kể nào tại Thành phố.

6. Đề xuất Tiểu dự án (thay đổi, bổ sung)

- **Theo báo cáo của thành phố, 7 triệu US$ đã được tiết kiệm nhờ đấu thầu. Thành phố Tuyên Quang đề xuất sử dụng khoản tiền này bằng cách bổ sung thêm tiểu dự án như thay thế đường Sông Lô 7 bằng Đường Nguyễn Chí Thanh. Đường Nguyễn Chí Thanh đông xe. Vỉa hè bị hư hại. Việc xây dựng đường Nguyễn Chí Thanh không yêu cầu tái định cư.**

VII. THÀNH PHỐ YÊN BÁI

1. Bản đồ và dữ liệu chính

Thành phố Yên Bái: 50 tiểu dự án, 34,23 triệu $ (IDA: 29,45, Vốn đối ứng: 4,78)					
Giai đoạn 1 (2015-2016) 11 tiểu dự án			Giai đoạn 2(2017-2020) 39 tiểu dự án		
IDA	VĐƯ	Tổng số	IDA	VĐƯ	Tổng số
7,29	0,62	7,91	22,16	4,16	26,32
92%	8%	100%	84%	16%	100%

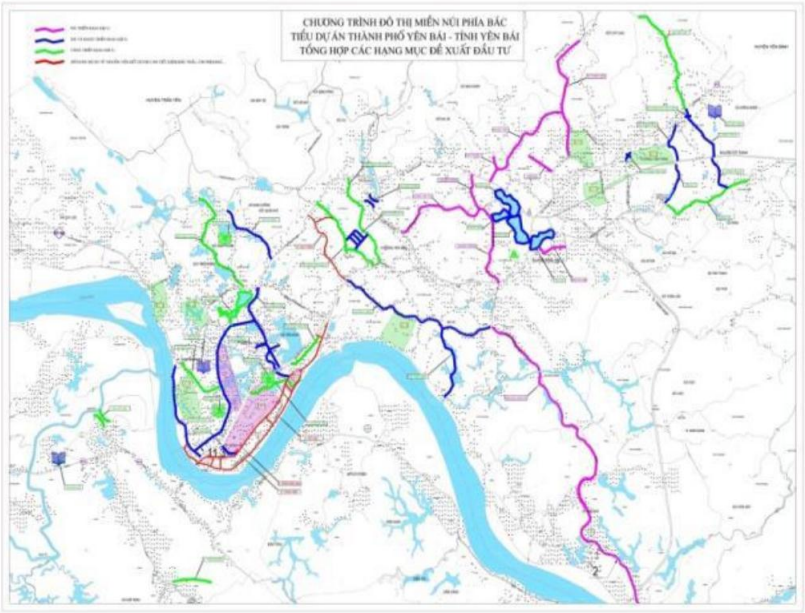

• **Tổng số 50 tiểu dự án (tách từ 18 tiểu dự án ban đầu):** 33 đã hoàn thành đến tháng 6 năm 2020: 3 hoàn thành 2015 nhưng chưa đạt và được xác minh lại trong đợt XMKQ lần 2 năm 2018 (đã đạt KQXM), 4 hoàn thành và đã được xác minh thành công năm 2016, 6 hoàn thành và đã được xác minh năm 2017; 7 hoàn thành và được xác minh năm 2018 và 11 hoàn thành và được xác minh năm 2019; 19 tiểu dự án đăng ký hoàn thành 2020: đã hoàn thành 5 TDA trong 2020

• **Tổng dự toán chi phí các công trình của tất cả các tiểu dự án là 21,47 triệu $.** Dự toán chi phí các công trình của các tiểu dự án đã hoàn thành đến tháng 4 năm 2019 là 15.64 triệu $ (72.8% tổng dự toán chi phí), và giá trị hợp đồng thực tế là 13.52 triệu $. Dự toán chi phí của các tiểu dự án còn lại là 5.83 triệu $ (27% tổng dự toán chi phí).

2. Tiến độ chi tiết

5%		Tên các tiểu dự án đã hoàn thành	IDA	Tình trạng	Chi phí Hợp đồng	Bắt đầu	Lưu ý
GIAI ĐOẠN 1	**2015**	**3**			**586,382**		
	1	Hạ tầng các LIA Hồng Hà: LIA 1, LIA 3	260,439	**Hoàn thành**	78,902	2015	
	2	Đường Đồng Tâm: Đường Quang Trung	255,811	**Hoàn thành**	246,979	2015	
	3	Đường Đồng Tâm: Đường Tô Hiệu	277,571	**Hoàn thành**	260,501	2015	Không đạt khi xác minh (Đã XM lại

							vào đợt 2 năm 2018 – Đạt KQXM).
	2016	**4**	**1,600,620**		**1,496,006**		
	4	Đường Đồng Tâm: Xóm Bun	143,746	**Hoàn thành**	140,289	2015	
	5	Đường Đồng Tâm: Ngô Sĩ Liên	121,056	**Hoàn thành**	124,522	2015	
	6	Đường Đồng Tâm: Đường Thanh Liêm	1,075,379	**Hoàn thành**	1,050,063		
	7	Hạ tầng các LIA Hồng Hà: LIA 2	260,439	**Hoàn thành**	181,132	2015	
	2017	**6**			**7,197,858**		
GIAI ĐOẠN 2	8	Hạ tầng LIA Yên Thịnh: LIA 5		**Hoàn thành**		2017	
	9	Hạ tầng LIA Yên Thịnh: LIA 6	95,501	**Hoàn thành**	95,093	2017	
	10	Hạ tầng LIA Nguyên Phúc: LIA 9		Chuyển tiếp		2017	
	11	Hạ tầng LIA Nguyên Phúc: LIA 11	184,533	Chuyển tiếp	182,630	2017	Hoàn thành-2019
	12	Thi công khu tái định cư	1,347,979	Chuyển tiếp	1,411,593	2017	
	13	Đường và cầu ở Yên Thịnh: đường Đầm Lọt	151,690	Chuyển tiếp	152,133	2017	Hoàn thành-2018
	14	Đường và cầu ở Yên Thịnh: đường Đường Nguyễn Quang Bích	224,069	Chuyển tiếp	222,920	2017	Hoàn thành-2018
	15	Đường và cầu ở Yên Ninh: LIA 8		Chuyển tiếp		2016	Hoàn thành-2018
	16	Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Hoa Huệ	194,256	**Hoàn thành**	194,086	2015	
	17	Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Yên Thịnh	25,423	Chuyển tiếp	186,180	2017	
	18	Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Họa My	-	**Hoàn thành**	324,460	2015	

	19	Đường và cầu ở Yên Thịnh: Đường Lương Yên	501,806	Chuyển tiếp	481,288	2017	
	20	Đường và cầu ở Yên Thịnh: Cầu ở Lương Văn Can	101,368	Chuyển tiếp	101,274	2016	
	21	Đường Bảo Lương	1,038,644	Chuyển tiếp	1,041,262	2017	Hoàn thành-2019
	22	Đường Hoàng Văn Thụ	712,049	Chuyển tiếp	689,453	2015	Hoàn thành-2019
	23	Đường Đồng Tâm: Hà Huy Tập	383,450	**Hoàn thành**	370,574	2015	
	24	Đường Văn Tiến (Km4 tới cầu Văn Phú)	3,559,033	**Hoàn thành**	1,744,913	2015	
	2018	**14**	**6,962,761**		**5,826,163**		
	25	Đường và cầu ở Yên Ninh: Cầu Điều Dưỡng	76,466	**Hoàn thành**	76,469	2017	Hoàn thành-2017 (Không có trong EP)
		Đường Bảo Lương		**Hoàn thành hiện trường**			Chưa nghiệm thu bàn giao. CT sang 2019
	26	Đường và cầu ở Yên Thịnh: Cầu vào trường MN Yên Thịnh KG	143,915	Chuyển tiếp	144,295	2016	
		Đường và cầu ở Yên Thịnh: Đầm Lót		**Hoàn thành**			
		Đường và cầu ở Yên Thịnh: Nguyễn Quang Bích		**Hoàn thành**			
		Đường và cầu ở Yên Thịnh: Cầu ở Lương Văn Can		**Hoàn thành Hiện trường.**			Chưa nghiệm thu bàn giao. CT sang 2019

		Đường và cầu ở Yên Thịnh: Lương Yên					64%
	27	Đường ở Phường Nguyễn Thái Học, Nguyên Phúc: Hòa Bình	474,214	**Hoàn thành**	433,754	2017	
	28	Đường ở Phường Nguyễn Thái Học, Nguyên Phúc: Thành Công	470,147	**Hoàn thành hiện trường**	433,124		Chưa nghiệm thu bàn giao. CT sang 2019
	29	Đường ở Phường Nguyễn Thái Học, Nguyên Phúc: Nguyên Phúc	375,797	**Hoàn thành**	327,640	2017	
	30	Đường ở Phường Nguyễn Thái Học, Nguyên Phúc: B Nguyễn Thái Học	231,854	Chưa có KHĐT	-	2019	
	31	Đường ở phường Nam Cường: Đường Lê Chân	310,765	Chuyển tiếp	283,859	2017	90%
	32	Đường và cầu ở phường Hợp Minh: Cầu tổ 3, Phường Hợp Minh	137,868			2019	
	33	Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Hoa Ban	214,877			2019	
	34	Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Hoa Mai	312,936			2019	
	35	Hệ thống chiếu sáng công cộng ở một số phố chính	-			2019	
	36	Kè Hồ Trung tâm tại Km5 và hồ Hòa Bình: Thiếu Nhi	1,702,475	**Hoàn thành hiện trường**		2016	Chưa nghiệm thu bàn giao
	37	Kè Hồ Trung tâm tại Km5 và hồ Hòa Bình: Thanh Niên		**Hoàn thành hiện trường**	767,389	2016	
	38	Kè Hồ Trung tâm tại Km5 và hồ Hòa Bình: Hào Gia		**Hoàn thành hiện trường**		2016	Chưa nghiệm thu bàn giao. CT 2019
	39	Kè Hồ Trung tâm tại Km5 và hồ Hòa Bình: Thủy Sản		**Hoàn thành hiện trường**	807,796	2016	
		Thi công khu tái định cư		Chuyển tiếp			

		Hạ tầng LIA ở phường Nguyên Phúc: LIA 9		**Hoàn thành hiện trường**			Chưa nghiệm thu bàn giao. CT 2019
		Hạ tầng LIA ở phường Nguyên Phúc: LIA 11		**Hoàn thành hiện trường**			
		Đường và cầu ở Yên Ninh: LIA 8		**Hoàn thành**		2017	
		Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Yên Thịnh		**Hoàn thành**			
	2019		**4,876,484**		**1,411,593**		
	40	Kè hồ trung tâm tại Km5 và hồ Hòa Bình: Hòa Bình	813,258	Chưa có KHĐT	-	2019	
	41	Đường ở Nguyễn Thái Học, Phường Nguyên Phúc: Nguyễn Khắc Nhu	273,502	Đang thi công	-	2019	12%
	42	Đường và cầu ở phường Hợp Minh: Thôn Đá Đen	188,069	Chưa có KHĐT	-	2019	
	43	Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non ở Thành phố Yên Bái: Sơn Ca	222,342	Chưa có KHĐT	-	2019	
	44	Đường và cầu ở Phường Yên Ninh: Tuân Quan	702,654	Đang đấu thầu	-	2019	
	45	Đường ở phường Nam Cường: Trần Bình Trọng	569,012	Đang thi công	-	2019	15%
		Xây dựng hạ tầng khu tái định cư		Đang thực hiện		2017	40%
		Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Hoa Ban		Chưa có KHĐT		2019	
		Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Hoa Mai		Chưa có KHĐT		2019	
		Đường và cầu ở phường Hợp Minh: Cầu tổ 3		Chưa có KHĐT		2019	
		Đường ở Phường Nguyễn Thái Học, Nguyên Phúc: B Nguyễn Thái Học		Đang thi công		2019	5%
		Hệ thống chiếu sáng công cộng ở một số phố chính		Chưa có KHĐT		2019	

		Đường Hoàng Văn Thụ		**Hoàn thành**		2015	
		Đường và cầu ở Yên Thịnh: Cầu vào trường MN Yên Thịnh		**Hoàn thành**		2017	
		Đường ở phường Nam Cường: Đường Lê Chân		Đang thực hiện		2017	95%
		Đường và cầu ở Yên Thịnh: Đường Lương Yên		Đang thực hiện		2017	75%
	46	Kè suối Ngòi Yên	756,682	Đang thực hiện	-	2019	Đang làm lán trại
	2020		**5,701,158**		-		
	46	Kè suối Ngòi Yên	756,682	Đang thực hiện	-	2019	37%
		Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Hoa Ban		Đang thực hiện		2020	40%
		Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Hoa Mai		Đang thực hiện		2020	45%
		Cải tạo, mở rộng một số trường mầm non: Sơn Ca		Đang thực hiện		2020	35%
	47	Đường Điện Biên - Đường Yên Ninh: Phía Cty CPTV Kiến trúc.		Đang thực hiện	-	2019	tập kết vật liệu
	48	Đường Điện Biên - Đường Yên Ninh: Cạnh Sở Y Tế	320,721	Đang thực hiện	-	2019	25%
	49	Đường và cầu ở Yên Thịnh: 7C	562,109	Đang thực hiện	-	2020	40%
	50	Đường và cầu ở Yên Thịnh: Yên Thế	856,076	Đang thực hiện	-	2020	35%
		Đường ở Nguyễn Thái Học, Phường Nguyên Phúc: Nguyễn Khắc Nhu	273,502	Hoàn thành	-	2019	100%
		Đường ở Phường Nguyễn Thái Học, Nguyên Phúc: Trục B Nguyễn Thái Học		Hoàn thành		2019	100%
		Đường và cầu ở phường Hợp Minh: Xã Đá Đen		Đang thực hiện		2020	35%

		Đường và cầu ở phường Hợp Minh: Cầu tổ 3		Đang thực hiện		2020	55%
		Đường và cầu ở Phường Yên Ninh: Tuân Quan		Đang thực hiện		2019	45%
		Đường ở phường Nam Cường: Trần Bình Trọng		Hoàn thành	-	2019	100%
		Đường ở phường Nam Cường: Đường Lê Chân		Hoàn thành		2017	100%
		Xây dựng hạ tầng khu tái định cư		Đang thực hiện		2017	55%
		Đường và cầu ở Yên Thịnh: Đường Lương Yên		Hoàn thành		2017	100%
		Kè Hồ Trung tâm tại Km5 và hồ Hòa Bình: Hòa Bình		Đang thực hiện		2020	20%
		Hệ thống chiếu sáng công cộng ở một số phố chính		Đang thực hiện		2020	40%
Tổng số		**50 (33 HT-17 TH)**	**21,477,129**		**12,554,571**		**36/50**
Chú thích: Nhìn chung, Yên Bái có 50 tiểu dự án, 7 tiểu dự án trong Giai đoạn 1, 7 đã hoàn thành; 43 tiểu dự án trong Giai đoạn 2, 6 hoàn thành năm 2017, 7 hoàn thành năm 2018; 11 hoàn thành năm 2019, 5 hoàn thành đến QII/2020, còn lại 14 đang thực hiện.							

3. Thiếu hụt phân bổ và vốn trong MTIP

- Hiện tại, vốn IDA và vốn đối ứng theo QĐ 303 và QĐ 1746 MTIP (2016-2020) là 25,73 triệu $ và 4,09 triệu $.
- Vốn IDA và vốn đối ứng sẵn có còn lại theo MTIP là 12,22 triệu $ và 1,18 triệu $.
- Thiếu vốn IDA và vốn đối ứng cho giai đoạn 2019-2020 là 3,72 triệu $ và 0 triệu $.
- Yên Bái chủ yếu thiếu vốn IDA. Thành phố đã thông báo và chờ Bộ KHĐT phân bổ thêm vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn bổ sung.

4. Các phát hiện về kỹ thuật

Về tổng thể, công tác quản lý chất lượng xây dựng các HMĐT tại Yên Bái cơ bản được thực hiện và duy trì tốt. Việc áp dụng các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

5. An toàn môi trường

Về tổng thể, công tác quản lý môi trường tại thành phố cơ bản tuân thủ đầy đủ các biện pháp về an toàn môi trường và đáp ứng các yêu cầu của POM. Chưa ghi nhận sự cố môi trường đáng kể nào tại Thành phố

Công tác an toàn môi trường, an toàn lao động ngoài công trường cơ bản được thực hiện tốt; công trường gọn gàng sạch sẽ; vật liệu được tập kết đúng nơi quy định. Không có ghi nhận nào về phàn nàn của cộng đồng địa phương

Đối với đất đổ thải: đã có thỏa thuận vị trí đổ thải. Tuy nhiên PMU và Nhà thầu, CSC cần bổ sung phiếu xét nghiệm chất lượng đất đổ thải.

Vấn đề dầu thải: Đối với các hạng mục đường (đường Yên Thế; Đường Điện Biên Yên Ninh) Ban QLDA cần yêu cầu nhà thầu thi công và TVGS xử lý nước chứa dầu loang bằng biện pháp sử dụng vi sinh vật phân hủy dầu tại chỗ (ví dụ: Microbelift DGTT). Thiết lập khu vực chứa chất thải nguy hại. Nghiêm cấm tuyệt đối việc nhà thầu dùng máy bơm hút nước chứa dầu thải vào nguồn nước mặt.